

THÔNG BÁO
Về việc công bố thông tin

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên Tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

- Mã chứng khoán: DNH
- Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng
- Điện thoại liên hệ: 0263 728171 Fax: 0263 866457
- Email: phuocqt@dhd.com.vn; trusochinh@dhd.com.vn

2. Loại thông tin công bố

- định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

3. Nội dung thông tin công bố

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi công bố thông tin về Báo cáo thường niên năm 2023.

4. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2024 tại đường dẫn: www.dhd.com.vn.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CTHĐQT (đề b/c);
- Các PTGD;
- BKS;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Cường

BÁO CÁO

Thường niên năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- a) Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
- b) Tên tiếng Anh: Da Nhim - Ham Thuan - Da Mi Hydro Power Joint Stock Company
- c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5800452036, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005, thay đổi lần 10 ngày 07 tháng 7 năm 2022.
- d) Vốn điều lệ: 4.224.000.000.000 đồng.
- đ) Địa chỉ: Số 80A, Trần Phú, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- e) Số điện thoại: (0263) 3728 171.
- g) Số fax/Fax: (0263) 3866 457.
- h) Website: <https://www.dhd.com.vn>.
- i) Mã cổ phiếu: DNH.
- k) Quá trình hình thành và phát triển

STT	Thời gian	Sự kiện
1	Năm 1964	Tiền thân Công ty là Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) Đa Nhim, đưa vào vận hành với công suất 160 MW.
2	Năm 2001	Thông qua Quyết định số 154 EVN/TCCP.ĐT Hội đồng quản trị Tập đoàn Điện lực Việt Nam đổi tên Nhà máy Thủy điện Đa Nhim thành Nhà máy Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi với tổng công suất 642,5MW trên cơ sở sáp nhập cụm thủy điện Đa Nhim - Sông Pha và Hàm Thuận - Đa Mi.

3	Năm 2005	Theo Quyết định số 18/2005/QĐ-BCN ngày 30 tháng 3 năm 2005 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương), chuyển NMTĐ Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, đơn vị hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).
4	Năm 2007	Thủ tướng Chính phủ quyết định cổ phần hóa Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi theo Quyết định số 384/ QĐ - TTG ngày 03 tháng 4 năm 2007.
5	Năm 2011	Ngày 07 tháng 10 năm 2011, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, với số vốn điều lệ là 4.248 tỷ đồng. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 99,93% vốn điều lệ.
6	Năm 2014	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 biểu quyết thông qua điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty thành 4.224 tỷ đồng theo Nghị quyết số 46/NQ-TĐĐHĐ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 6 năm 2014.
7	Năm 2017	Ngày 20 tháng 3 năm 2017, Công ty chính thức trở thành Công ty đại chúng. Ngày 03 tháng 4 năm 2017, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 72/2017/GCNCPSVSD và cấp mã chứng khoán cho CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là DNH. Ngày 12 tháng 6 năm 2017, SDGCK Hà Nội ra quyết định số 427/QĐSGDHN chấp nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.
8	Năm 2019	Tháng 6/2019, Công ty hoàn thành đưa vào phát điện dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi công suất 47,5 MWp.
9	Năm 2021	Tháng 7/2021, Công ty hoàn thành đường hầm dẫn nước Dự án mở rộng Đa Nhim. Tháng 8/2021 Hòa lưới thành công tổ máy H5 Đa Nhim công suất 80MW.
10	Năm 2023	Công ty tiếp tục nâng cao năng lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

1) Thành tích đạt được trong quá trình hoạt động:

STT	Thời gian	Thành tích
1	Năm 1979	Huân chương Độc lập hạng Ba
2	Năm 1985	Huân chương Lao động hạng Hai
3	Năm 1997	Huân chương Lao động hạng Nhất
4	Năm 2000	Bằng khen Bộ Công Thương Huân chương Độc lập hạng Ba Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI**

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusoichinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

5	Năm 2001	Bằng khen Bộ công Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
6	Năm 2002	Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen Liên đoàn Lao động tỉnh Bình Thuận Bằng khen Công an tỉnh Bình Thuận
7	Năm 2003	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
8	Năm 2004	Huân chương độc Độc lập hạng Ba năm 2004 Cờ thi đua xuất sắc Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Y tế
9	Năm 2005	Cờ thi đua xuất sắc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Bộ Y tế Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
10	Năm 2006	Anh hùng Lao động năm 2006 Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận Bằng khen Bộ Công Thương
11	Năm 2007	Bằng khen Bộ Công Thương Cờ thi đua Bộ Công Thương
12	Năm 2008	Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
13	Năm 2009	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng
14	Năm 2010	Huân chương Độc lập hạng Nhì Bằng khen Bộ Công Thương Bằng khen UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
15	Năm 2011	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận Bằng khen Bảo hiểm xã hội Việt Nam
16	Năm 2012	Bằng khen Bộ Công Thương
17	Năm 2013	Bằng khen Bộ Công Thương
18	Năm 2014	Huân chương Độc lập hạng Nhì Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
19	Năm 2015	Bằng khen Bộ Công Thương

		Bằng khen UBND tỉnh Bình Thuận
20	Năm 2016	Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam
21	Năm 2017	Bằng khen Bộ Công Thương
22	Năm 2018	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
23	Năm 2019	Cờ thi đua Tập đoàn Điện lực Việt Nam
24	Năm 2020	Cờ thi đua UBND tỉnh Lâm Đồng
25	Năm 2021	Bằng khen Thủ tướng Chính phủ Bằng khen Tập đoàn Điện lực Việt Nam Bằng khen UBND tỉnh Ninh Thuận
26	Năm 2022	Giấy khen Sở công thương tỉnh Lâm Đồng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành nghề kinh doanh
1	3511 (Chính)	Sản xuất điện
2	0311	Khai thác thủy sản biển
3	0312	Khai thác thủy sản nội địa
4	0321	Nuôi trồng thủy sản biển
5	0322	Nuôi trồng thủy sản nội địa
6	1629	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện
7	5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
8	5610	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
9	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
10	4931	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)
11	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
12	7120	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật <i>Chi tiết:</i> - Thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận, chỉnh định hiệu chỉnh: Vật tư thiết bị điện, thiết bị môi trường, thiết bị và dụng cụ đo lường, thiết bị và dụng cụ an toàn; Thử nghiệm, kiểm định, tính toán trị số bảo vệ và cài đặt rơ-le. - Thử nghiệm, kiểm định thiết bị và hệ thống tín hiệu (không gia công có khi, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). - Thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện và phụ kiện, cấu kiện thép bê tông.
13	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết: Kinh doanh, cung ứng vật tư, thiết bị ngành điện.</i>

14	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Kinh doanh điện năng.</i>
15	0210	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp
16	0220	Khai thác gỗ
17	0231	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ
18	8531	Đào tạo sơ cấp
19	7020	Hoạt động tư vấn quản lý <i>Chi tiết:</i> - <i>Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp.</i> - <i>Tư vấn lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, dầu khí.</i>
20	2790	Sản xuất thiết bị điện khác <i>Chi tiết: Sản xuất thiết bị điện, dụng cụ điện.</i>
21	3314	Sửa chữa thiết bị điện <i>Chi tiết:</i> - <i>Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện.</i> - <i>Sửa chữa thiết bị điện, dụng cụ điện.</i>
22	3512	Truyền tải và phân phối điện
23	4221	Xây dựng công trình điện <i>Chi tiết: Đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt điện, phong điện, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 500 KV.</i>
24	4299	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

b) Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi có địa bàn hoạt động trải dài trên ba tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận với:

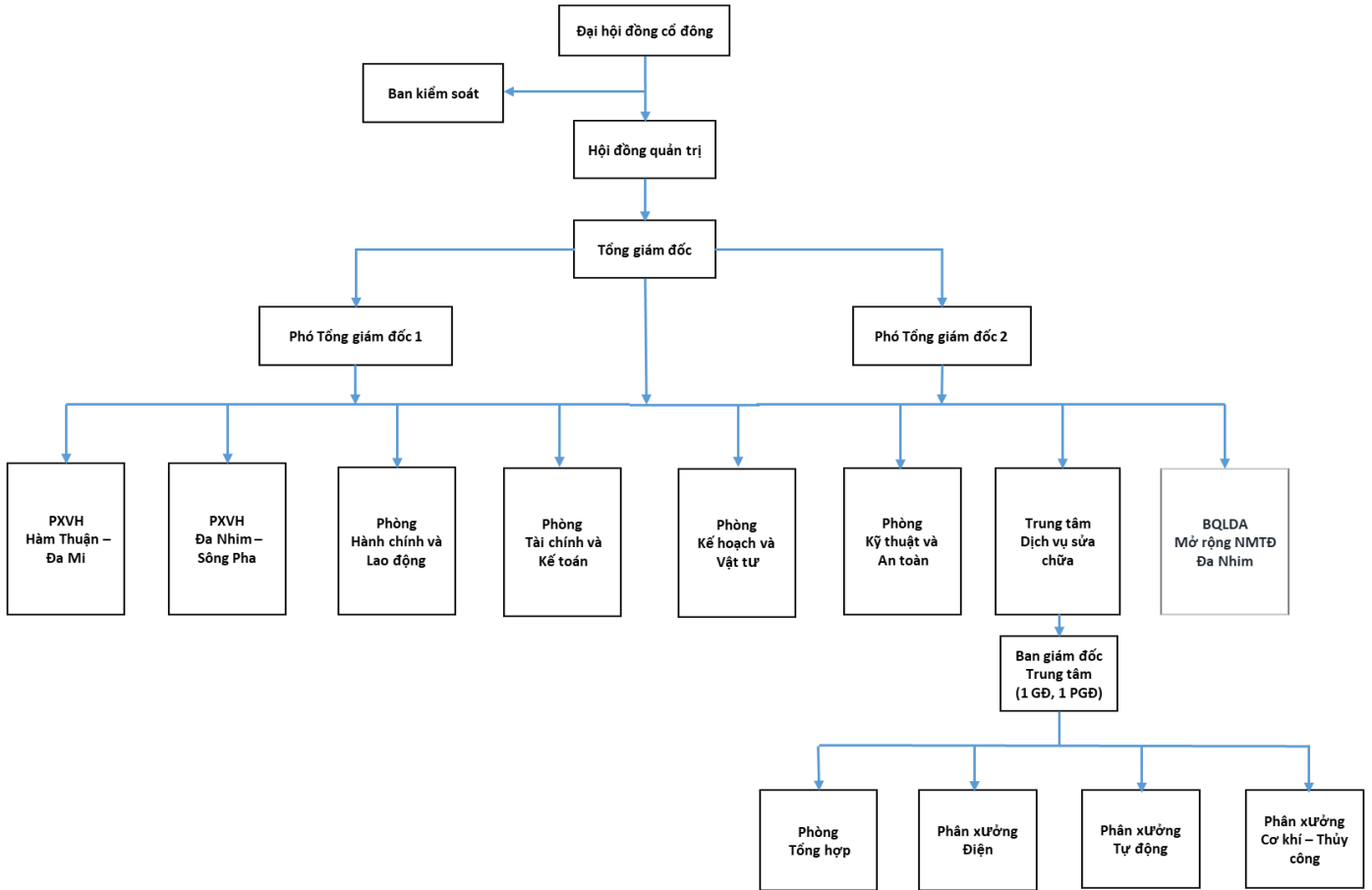
- Hai cụm Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha, Hàm Thuận - Đa Mi.
- Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý



c) Các công ty con, công ty liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Vốn điều lệ thực góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1. Công ty con					
Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Thôn Lâm Bình, xã Lâm Sơn, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện năng	160	112	70%
2. Công ty liên kết					
Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	Thôn Lạc Trị, xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh điện năng	500	100	20%

4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Tầm nhìn: Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi trở thành doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện đóng vai trò quan trọng trong hệ thống lưới điện

quốc gia và khu vực, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; đảm bảo cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống cho nhân dân cho các vùng hạ du.

- Sứ mệnh: Mang lại sự hài lòng cho khách hàng, đảm bảo sự phát triển bền vững của Công ty thông qua việc sản xuất điện và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng ngày càng hoàn hảo

- Giá trị cốt lõi:

+ Chuyên nghiệp và Chất lượng;

+ Tận tâm và Trí tuệ;

+ Hợp tác và Chia sẻ;

+ Sáng tạo và Hiệu quả.

- Các mục tiêu phát triển chủ yếu:

+ Đảm bảo sự vận hành an toàn, ổn định các nhà máy thủy điện hiện có, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng điện theo kế hoạch đề ra; Luôn sẵn sàng ứng phó phòng chống lụt bão tại các Nhà máy khi có mưa, lũ;

+ Vận hành khai thác tối ưu các hồ chứa và đảm bảo cấp nước hạ du;

+ Cung cấp các dịch vụ: Quản lý xây dựng; Thí nghiệm hiệu chỉnh, kiểm dịch an toàn các thiết bị điện; Sửa chữa các thiết bị cơ, điện các nhà máy điện, các trạm điện; Đào tạo và quản lý vận hành các nhà máy thủy điện;

+ Tiếp tục áp dụng các dây chuyền công nghệ hiện đại, quản lý kỹ thuật, vận hành an toàn liên tục, ổn định trong cung cấp điện; các tổ máy luôn sẵn sàng huy động theo phương thức;

+ Nâng cao năng lực của Công ty trong hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật;

+ Quản lý tối ưu chi phí, thực hiện các biện pháp nhằm tăng doanh thu và nâng cao năng suất lao động;

+ Tạo môi trường chuyên nghiệp, thân thiện, hiện đại, đảm bảo tính công bằng và minh bạch; xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên giỏi về chuyên môn, phong cách và lễ lối làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả, hành vi ứng xử thân thiện, văn minh, lịch sự, mang lại sự hài lòng cho đối tác và khách hàng;

+ Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Khai thác hiệu quả nguồn nước, vận hành an toàn công trình, thiết bị.

- Phát triển năng lượng về thủy điện, điện mặt trời.

- Nâng cao năng lực của Công ty trong hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật.

- Tiếp tục tạo ứng dụng các thành tựu tiến bộ khoa học kỹ thuật trong dây chuyền công nghệ sản xuất.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Chú trọng đưa văn hóa doanh nghiệp Công ty đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý vận hành, đầu tư xây dựng, quản trị doanh nghiệp để các văn hóa lãnh đạo, văn hóa học tập và đổi mới sáng tạo, văn hóa số, văn hóa kinh doanh, văn hóa an toàn lao động tạo động lực cho sự phát triển toàn diện và bền vững.

- Đảm bảo lợi ích của nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thiết lập những mục tiêu về kinh tế, tăng trưởng gắn liền với mục tiêu về môi trường - xã hội trong ngắn hạn và dài hạn. Đây được xem là những nhiệm vụ không thể tách rời để Công ty khẳng định vị thế, nâng cao uy tín, gia tăng ảnh hưởng và góp phần nâng tầm trong ngành điện năng:

- Tiếp tục vận hành và phát triển các công nghệ Xanh, Sạch, Thân thiện với môi trường với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Tổ chức, khuyến khích và tạo điều kiện cho các hoạt động xã hội tự nguyện của Cán bộ công nhân viên, người lao động.

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, quản lý giám sát chặt chẽ các nguồn chất thải nguy hại và xử lý theo quy định để “bảo vệ môi trường gắn với sự phát triển bền vững”.

- Đảm bảo an toàn trong lao động; không để xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn trong lao động.

5. Các rủi ro

a) Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế với những yếu tố khách quan như tốc độ tăng trưởng, chỉ số lạm phát, lãi suất... có thể tạo ra những tác động trực tiếp đến sự phát triển của các doanh nghiệp. Với hoạt động kinh doanh chính là đầu tư phát triển nguồn điện, đảm bảo cung cấp kịp thời và đủ sản lượng điện theo nhu cầu của Hệ thống điện quốc gia với chất lượng điện năng và độ ổn định cao, Công ty chịu ảnh hưởng lớn bởi tác động của nền kinh tế vĩ mô. Khi kinh tế tăng trưởng, cùng với chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam như hiện nay sẽ kéo theo nhu cầu về điện năng tăng cao, đặc biệt là nhu cầu của các khu công nghiệp. Ngược lại, trong giai đoạn nền kinh tế suy giảm, quy mô đầu tư giảm, tăng trưởng ở khu vực công nghiệp bị tác động tiêu cực dẫn đến nhu cầu điện năng sụt giảm mạnh.

Trước sự phức tạp của tình hình kinh tế, Ban lãnh đạo lên kế hoạch chủ động chuẩn bị các phương án sản xuất kinh doanh và tài chính, cũng như sẵn sàng cung cấp nguồn lực cần thiết để ứng phó với các tình huống khác nhau của nền kinh tế. Đồng thời, Công ty cũng tăng cường quản trị rủi ro để hạn chế việc đưa ra các chiến lược và chính sách không phù hợp, giảm thiểu thiệt hại tối đa cho Công ty.

b) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro khá phổ biến mà các doanh nghiệp cũng như những ngân hàng, tổ chức tài chính phải đối mặt và nó ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận và tài sản của tổ chức. Chỉ cần biến động nhỏ về lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công ty và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhằm giảm thiểu tác động từ rủi ro lãi suất, Công ty thường xuyên chủ động theo dõi tình hình biến động của lãi suất, cân đối tỷ lệ vay nợ, từ đó đưa ra kế hoạch vay nợ hợp lý đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động sản xuất và kiểm soát rủi ro về lãi suất một cách tốt nhất.

c) Rủi ro pháp luật

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi là doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngành điện, và có mô hình hoạt động là Công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch Chứng Khoán Hà Nội (UPCOM), nên hoạt động của DNH chịu tác động của hệ thống pháp luật Việt Nam và các chính sách liên quan, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên Môi trường,... Các văn bản pháp luật luôn được cập nhật, sửa đổi, hoàn thiện theo thời gian. Những thay đổi này cũng sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến Công ty.

Ban lãnh đạo Công ty chủ động đưa ra các mục tiêu và kế hoạch phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại để đảm bảo hoạt động của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các thay đổi về chính sách, văn bản pháp luật. Từ đó, Công ty có thể chủ động và đưa ra các quyết định phù hợp để phát triển kinh doanh và đạt được hiệu quả tốt nhất.

d) Rủi ro thời tiết và thủy văn

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện nên Công ty phải đối mặt với rủi ro lớn liên quan đến thời tiết và khí hậu. Sản lượng điện phụ thuộc chủ yếu vào nguồn nước và lượng mưa tại địa phương, do đó, biến đổi khí hậu có thể ảnh hưởng đến sản lượng điện sản xuất của các dự án thủy điện. Hạn hán kéo dài và lượng mưa giảm cũng có thể làm giảm lượng nước trong hồ chứa, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét mưa lớn cũng có thể gây ảnh hưởng đến đường sá và các công trình đập trong nhà máy. Do đó, Công ty luôn cập nhật tình hình khí hậu, diễn biến thời tiết - thủy văn kịp thời và sẵn sàng ứng phó với các tình huống bất lợi, chuẩn bị các phương án phòng chống bão lụt, đảm bảo an toàn hồ đập và công trình thủy điện.

Công ty đã chủ động làm việc với địa phương để thống nhất kế hoạch điều tiết cấp nước cho hạ du phục vụ sản xuất và sinh hoạt trong giai đoạn mùa khô trên tinh thần đảm bảo hài hòa giữa hai mục tiêu phát điện và đảm bảo cấp nước. Sản lượng thủy điện trong các năm tiếp theo có khả năng sẽ không duy trì mức cao, đứng trước những khó khăn sắp tới, Ban điều hành lên kế hoạch để đảm bảo các chỉ kế hoạch sản xuất điện mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, cung cấp điện an toàn, từ đó góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia.

đ) Rủi ro an toàn lao động

An toàn lao động là một yếu tố vô cùng quan trọng trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện. Tại các nhà máy thủy điện, các nhân viên thường phải làm việc với các thiết bị điện, máy móc nặng và các vật liệu nguy hiểm, đặc biệt là trong quá trình bảo trì hệ thống thủy điện. Nếu không đảm bảo đầy đủ biện pháp an toàn và kỹ năng cần thiết, các tai nạn có thể xảy ra và gây nguy hiểm cho sức khỏe và tính mạng của người lao động.

Do đó, Công ty đã áp dụng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và các phương tiện bảo vệ cá nhân để giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Bên cạnh đó, Công ty cũng thực hiện xây dựng và tuân thủ các quy trình, tài liệu kỹ thuật và đào tạo cho nhân viên, đảm bảo rằng họ có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm việc một cách an toàn. Đồng thời, Công ty cũng áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức giám sát an toàn trước, trong và sau quá trình vận hành nhà máy thủy điện, nhằm đảm bảo an toàn cho nhân viên và tài sản của Công ty

e) Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, Công ty có thể đối mặt với nhiều rủi ro không thể dự báo trước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm dịch bệnh, thiên tai, cháy nổ, và các vấn đề về môi trường,... Những rủi ro này có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của toàn Công ty nếu xảy ra.

Vì vậy, để đối phó với những tình huống khẩn cấp này, Công ty đã xây dựng các phương án cụ thể, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức các bài tập huấn luyện để chuẩn bị cho những trường hợp khẩn cấp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề.

a) Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH năm 2022	TH năm 2023	%TH 2023/TH 2022
1	Doanh thu thuần	2.753	2.373	86,20%
	Doanh thu bán điện	2.740	2.370	86,50%
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	13	3	23,08%
2	Sản lượng điện sản xuất (triệu kWh)	3.105,5	3.099,98	99,82%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	1.810	1.389	76,74%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIỆM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusoichinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

4	Lợi nhuận khác	17		11,76%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.828	1.389	76,03%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.505	1.129	75,02%

b) Cơ cấu chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH 2022	TH 2023	% 2023/ 2022
1	Chi phí nguyên, nhiên vật liệu trong chi phí sản xuất	27,38	28,23	103,10%
2	Chi phí nhân công	143,96	137,17	95,28%
3	Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2,06	3,11	150,97%
4	Chi phí khấu hao tài sản cố định	376,53	377,15	100,16%
5	Thuế, phí và lệ phí khác	435,00	440,01	101,15%
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	63,00	65,77	104,40%
8	Chi phí khác bằng tiền	38,16	42,05	110,19%
Tổng cộng		1.086,09	1.093,49	100,68%

2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban điều hành (Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu & đại diện sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Đặng Văn Cường	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 147.736.085 CP	Cá nhân: 0 % Đại diện: 34,97%
2	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	Cá nhân: 7.100 CP Đại diện: 84.420.620 CP	Cá nhân: 0 % Đại diện: 19,99%
3	Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng giám đốc	Cá nhân: 1.000 CP Đại diện: 0 CP	Cá nhân: 0 % Đại diện: 0 %
4	Bà Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng	Cá nhân: 10.000 CP Đại diện: 0 CP	Cá nhân: 0 % Đại diện: 0 %

*Ghi chú: Tính tại ngày 02 tháng 4 năm 2024

b) Tóm tắt lý lịch

STT	Thành viên	Tóm tắt lý lịch
1	Ông Đặng Văn Cường	- Sinh năm: 1967 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện khí hoá và cung cấp điện



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusoichinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

	<p>Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc</p>	<p>- Quá trình công tác:</p> <p>+ Từ 09/1992 đến 03/1996: Kỹ sư Tổ Thí nghiệm điện, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 04/1996 đến 09/1997: Trưởng ca tập sự, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 09/1997 đến 11/1999: Trưởng ca Vận hành, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 12/1999 đến 06/2001: Kỹ sư, Ban Chuẩn bị sản xuất Nhà máy thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 07/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 12/2002 đến 08/2007: Quản đốc PXSC2, Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 08/2007 đến 09/2007: Phó Trưởng Ban Chuẩn bị sản xuất, Nhà máy thủy điện Đại Ninh.</p> <p>+ Từ 09/2007 đến 07/2022: Phó Giám đốc, Công ty thủy điện Đại Ninh.</p> <p>+ Từ 02/2022 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 07/2022 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>- Số cổ phiếu nắm giữ:</p> <p>+ Cá nhân sở hữu: 0 CP, tỷ lệ: 0%</p> <p>+ Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 147.736.085 CP, tỷ lệ: 34,97%</p>
2	<p>Ông Đỗ Minh Lộc</p> <p>Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc</p>	<p>- Sinh năm: 1975</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Điện</p> <p>- Quá trình công tác:</p> <p>+ Từ 8/1998 đến 6/2001: Kỹ sư điện, Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 7/2001 đến 12/2002: Phó Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2 - Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 01/2003 đến 4/2008: Quản đốc Phân xưởng Vận hành 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 5/2008 đến 12/2011: Quản đốc Phân xưởng Sản xuất Đa Nhim - Sông Pha - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 01/2012 đến 5/2017: Phó Tổng Giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 6/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>- Số cổ phiếu nắm giữ:</p>

		<p>+ Sở hữu: 7.100 CP, tỷ lệ: 0%</p> <p>+ Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 84.420.620 CP, tỷ lệ: 19,99%</p>
3	<p>Ông Nguyễn Đình Chiến Phó Tổng giám đốc</p>	<p>- Sinh năm: 1974</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Năng lượng nước</p> <p>- Quá trình công tác:</p> <p>+ Từ 11/1997 đến 8/2005: Kỹ sư điện Phân xưởng Sửa chữa 2 - Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận- Đa Mi.</p> <p>+ Từ 9/2005 đến 6/2007: Học Thạc sĩ tại Học viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan.</p> <p>+ Từ 7/2007 đến 5/2008: Phó Quản đốc Phân xưởng sửa chữa 2 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 5/2008 đến 3/2010: Phó phòng Dự án - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 3/2010 đến 01/2011: Trưởng phòng Tư vấn và Thiết kế - Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 01/2011 đến 12/2011: Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 01/2012 đến 12/2017: Giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 01/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>Số cổ phiếu nắm giữ:</p> <p>» Sở hữu: 1.000 CP, tỷ lệ: 0%</p> <p>» Đại diện: 0 CP, tỷ lệ: 0%</p>
4	<p>Bà Phạm Thị Hồng Hà Kế toán trưởng</p>	<p>- Sinh năm: 1977</p> <p>- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh</p> <p>- Quá trình công tác:</p> <p>+ Từ 8/1999 đến 02/2004: Nhân viên phòng Tài chính kế toán - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 3/2004 đến 8/2005: Phó phòng Tài chính kế toán - Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 9/2005 đến 10/2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán - Nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 11/2006 đến 9/2011: Kế toán trưởng - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 10/2011 đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>- Số cổ phiếu nắm giữ:</p>

		+ Sở hữu: 10.000 CP, tỷ lệ: 0% + Đại diện: 0 CP, tỷ lệ: 0%
--	--	---

c) Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

d) Thu nhập bình quân

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng số người lao động (người)	259	264	251	247	241
2	Thu nhập bình quân (đồng)	23.871.000	21.988.000	24.849.000	34.618.000	34.509.000

đ) Số lượng người lao động

STT	Tính chất phân loại	Năm 2022		Năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG	247	100%	241	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	115	46,56%	112	46,47%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	83	33,60%	82	34,03%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	44	17,81%	43	17,84%
4	Lao động phổ thông	5	2,02%	4	1,66%
II	THEO GIỚI TÍNH	247	100%	241	100%
1	Nam	225	91,09%	219	90,87%
2	Nữ	22	8,91%	22	9,13%
III	THEO THỜI HẠN HĐLĐ	247	100%	241	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	0	0,00%	0	0,00%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	24	9,72%	24	9,96%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	223	90,28%	217	90,04%

e) Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

- Về tuyển dụng: Người lao động là tài sản quý giá nhất, nên nguồn nhân lực là yếu tố đặc biệt quan trọng đối với bất kỳ doanh nghiệp nào. Nhận thức được vấn đề này, Công

ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi xác định mục tiêu tuyển dụng là thu hút nhân tài, ưu tiên người lao động có kinh nghiệm, năng lực, đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Về đào tạo: Công ty luôn đặt mục tiêu phát triển liên mạch và bền vững, do đó, Công ty chú trọng đầu tư vào việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực thông qua nhiều chính sách chất lượng. Một trong những chính sách quan trọng của Công ty là đào tạo đội ngũ kỹ sư và công nhân lành nghề, bởi họ là nhân tố quan trọng nhất trong việc đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Công ty. Công ty không chỉ đầu tư vào khóa học chuyên môn, mà còn vào các khóa đào tạo kỹ năng thực hiện công việc. Điều này giúp cho nhân viên có thể đáp ứng được yêu cầu công việc của mình và đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện cho cán bộ kỹ thuật thâm nhập thực tế ở các nhà máy thủy điện có quy mô tương tự để tích lũy kinh nghiệm và nâng cao chuyên môn làm việc. Việc này giúp cán bộ kỹ thuật của Công ty có thể đối phó với những tình huống phức tạp và đưa ra các giải pháp tối ưu cho Công ty. Thông qua các cơ chế đào tạo, Công ty đã khuyến khích người lao động học tập, nâng cao trình độ, phát huy năng lực, khả năng của bản thân, đồng thời, nâng cao trách nhiệm với Công ty sau khi được đào tạo.

- Về môi trường làm việc:

+ Nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của một môi trường làm việc an toàn, văn minh và thuận tiện cho nhân viên. Do đó, Công ty luôn tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để nhân viên được đảm bảo làm việc trong một môi trường tiện nghi, vệ sinh và an toàn lao động. Công ty đặt sự chú trọng vào việc cung cấp nền tảng cơ sở vật chất tốt nhất để người lao động làm việc chất lượng và an toàn;

+ Công ty trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ, hợp lý, đảm bảo chất lượng. Công tác quản lý và thực hiện An toàn Lao động đã được Công ty thực hiện một cách nghiêm túc, đúng quy định;

+ Công ty cũng thường xuyên kiểm định đúng thời hạn quy định đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn trong quá trình sử dụng. Việc này đảm bảo rằng các thiết bị được sử dụng an toàn và đúng cách, tránh gây nguy hiểm cho nhân viên;

+ Để đối phó với các tình huống khẩn cấp liên quan đến cháy nổ, Công ty tổ chức diễn tập Phòng Cháy Chữa Cháy (PCCC) để đào tạo nhân viên về cách ứng phó trong trường hợp khẩn cấp. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên kiểm tra công tác an toàn lao động tại các nhà máy để đảm bảo mọi hoạt động đều tuân thủ các quy định về An toàn lao động. Những nỗ lực này của Công ty nhằm đảm bảo một môi trường làm việc an toàn, thuận tiện, giúp cho nhân viên làm việc hiệu quả và đạt được mục tiêu Công ty.

- Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ:

+ Công ty luôn quan tâm và đặt lợi ích của nhân viên lên hàng đầu, bởi vì Công ty tin rằng, khi nhân viên cảm thấy được đối xử công bằng và được đảm bảo quyền lợi, họ sẽ có động lực làm việc tốt hơn, gắn bó với công ty lâu dài hơn và mang lại hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Vì vậy, Công ty luôn cố gắng hoàn thiện chính sách đãi ngộ nhân viên, không chỉ

đảm bảo các chế độ lương và thưởng theo quy định của pháp luật, mà còn đảm bảo các quyền lợi về vật chất và tinh thần cho nhân viên;

+ Ngoài việc cung cấp lương và thưởng đầy đủ, Công ty còn có các chính sách phúc lợi như tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24, cùng với đó là các hoạt động chăm sóc sức khỏe như khám sức khỏe định kỳ hàng năm và trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động. Tất cả những điều này giúp nhân viên yên tâm, an tâm với công việc của mình và tập trung vào nhiệm vụ của Công ty;

+ Ngoài ra, Công ty còn tạo điều kiện cho nhân viên nghỉ ngơi và giảm áp lực bằng việc thiết lập thời gian nghỉ ngơi phù hợp và cải thiện môi trường làm việc. Công ty cũng quan tâm đến đời sống của nhân viên ngoài công việc bằng cách tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ nhân viên và các học sinh trên địa bàn có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt và đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Tất cả những chính sách đãi ngộ nhân viên này giúp Công ty gắn bó với nhân viên và tạo ra một môi trường làm việc tốt, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án)

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty con: Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	433,23	405,72	93,65%
2	Doanh thu thuần	90,97	85,84	94,36%
3	Giá vốn hàng bán	39,59	39,81	100,56%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	0,13	0,05	38,46%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	25,07	24,67	98,40%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	26,44	21,36	80,79%
7	Lợi nhuận khác	0	(0,13)	
8	Lợi nhuận trước thuế	26,44	21,35	80,75%
9	Lợi nhuận sau thuế	25,55	20,08	78,59%

Công ty liên kết: Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Tổng tài sản	2.175,67	2.071,83	95,23%
2	Doanh thu thuần	369,03	448,04	121,41%

3	Giá vốn hàng bán	(167,34)	(165,35)	98,81%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	7,50	3,62	48,32%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	(122,48)	(180,14)	147,08%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	86,70	106,17	122,46%
7	Lợi nhuận khác	23,38	22,03	94,23%
8	Lợi nhuận trước thuế	110,08	106,19	96,47%
9	Lợi nhuận sau thuế	101,39	102,74	101,33%

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu - Hợp nhất	TH 2022	TH 2023	%2023/2022
1	Tổng giá trị tài sản	8.611	8.019	93,13%
2	Doanh thu thuần	2.753	2.373	86,20%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.810	1.389	76,74%
4	Lợi nhuận khác	17	2	11,76%
5	Lợi nhuận trước thuế	1.828	1.389	75,98%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.505	1.129	75,02%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	34%	28,5%	83,82%

Nhìn chung tình hình tài sản của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi không quá biến động. Đến hết năm 2023, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 8.019 tỷ đồng, giảm khoảng 592 tỷ đồng, tương đương với giảm 7%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản cố định giảm (do giá trị trích khấu hao của các TSCĐ trong năm). Tài sản ngắn hạn năm 2023 giảm chủ yếu là do việc tiền và các khoản tương đương tiền ghi nhận sụt giảm mạnh.

Doanh thu thuần, Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt là 2.373 tỷ đồng, 1.389 tỷ đồng, 1.129 tỷ đồng, đạt 86,20%, 75,98%, 75,02%. Nguyên nhân doanh thu, lợi nhuận thấp hơn năm trước chủ yếu do giá bán điện bình quân giảm và lợi nhuận công ty con thấp hơn năm trước.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu - Hợp nhất	Đơn vị tính	TH 2022	TH 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	4,08	1,56
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	4,01	1,54
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	24,60	34,12
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	32,62	51,79
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	29,69	26,47

Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	Lần	0,31	0,28
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	54,66	47,59
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	23,15	19,8
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	17,13	13,58
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	65,77	58,55

- Chỉ số về khả năng thanh toán: Luôn đạt, tuy nhiên đều giảm so với năm trước, nhất là khả năng thanh toán nợ đến hạn và khả năng thanh toán nhanh giảm mạnh. Nguyên nhân vì tiền điện được thanh toán chậm dẫn đến nợ phải thu tăng cao so với năm trước và thông báo tạm ứng 20% cổ tức năm 2023 nên nợ phải trả tăng.

- Các chỉ số về vốn và tài sản: Tỷ trọng vốn chủ sở hữu/tổng vốn giảm và tỷ trọng nợ phải trả /tổng vốn tăng so với năm trước. Nguyên nhân do tăng khoản phải trả từ tạm ứng 20% cổ tức năm 2023 đồng thời giảm vốn chủ sở hữu. Về cơ cấu tài sản thì tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng thấp, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao phù hợp với loại hình sản xuất điện.

- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: là một doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất điện, do vậy số dư hàng tồn kho của Công ty là rất ít, điều này dẫn tới việc chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty hàng năm không thể hiện được quá nhiều ý nghĩa. Một mặt khác, hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân trong năm 2023 của Công ty ghi nhận mức sụt giảm nhẹ, đạt mức 28,53% cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản dù có đôi chút sụt giảm.

- Hiệu quả sử dụng vốn: Tuy có giảm so với năm trước nhưng đều đạt ở mức cao do sản lượng và doanh thu đều đạt cao so với trung bình nhiều năm.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 422.400.000 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cơ cấu cổ đông:

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu (CP)	Số lượng cổ đông (người)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	422.400.000	133	100%
1	Cổ đông trong nước	422.396.200	128	

	Tổ chức	422.103.100	1	
	Cá nhân	293.100	127	
2	CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI	3.800	5	
	Tổ chức	800	1	
	Cá nhân	3.000	4	
II	CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI	0	0	
III	CỔ PHIẾU QUỸ	0	0	
	Tổng cộng	422.400.000	133	100%

- Cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Phát điện 1	22 Dương Đình Nghệ, Yên Hoà, Cầu Giấy, Hà Nội	422.103.100	99,93%

- Cổ đông nhà nước: Không có.

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%.

**Ghi chú: Tính tại ngày 02 tháng 4 năm 2024*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Kể từ khi thành lập đến nay, Công ty không thực hiện tăng vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

a) Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có

b) Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu và tiêu thụ nước

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất

Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nguồn nước. Sau khi được sử dụng để phát điện, nguồn nước được trả về lại với tự nhiên. Trong năm 2023, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

- Hồ Đa Nhim: 735,36 triệu m³.

- Hồ Hàm Thuận: 1.584,64 triệu m³.

- Hồ Đa Mi: 1.679,90 triệu m³.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:

- Nhà máy thủy điện Đa Nhim: 2.348 triệu kWh.
- Nhà máy thủy điện Sông Pha: 0,14 triệu kWh.
- Nhà máy thủy điện Đa Nhim mở rộng: 0,25 triệu kWh.
- Nhà máy thủy điện Hàm Thuận: 2.675 triệu kWh.
- Nhà máy thủy điện Đa Mi: 1.718 triệu kWh.
- Nhà máy điện mặt trời Đa Mi: 0,15 triệu kWh.

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Không có.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường

Ý thức được tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, Công ty luôn chấp hành đúng, đủ các quy định về bảo vệ môi trường (Nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước, thực hiện đúng các quy định về an toàn đập, quy trình vận hành hồ chứa, an toàn cháy nổ...), cũng như đảm bảo môi trường sản xuất an toàn, xanh sạch.

Trong năm 2023, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động của Công ty tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 241 người.

- Thu nhập trung bình đối với người lao động trong năm 2023 là 34.509.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2023, các khóa đào tạo đã cơ bản được thực hiện theo kế hoạch đề ra.

- Triển khai khóa đào tạo E-learning: Chiến lược phát triển EVN đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045; nâng cao nhận thức An toàn giao thông; các khóa đào tạo Bồi dưỡng nghề, phổ biến các Văn bản mới, tài liệu Văn hóa EVN, tài liệu văn hóa EVNGENCO1.

- Thực hiện triển khai kế hoạch bồi dưỡng ngắn hạn, định kỳ, đào tạo nội bộ; tham gia các khóa đào tạo tập huấn do EVN, EVNGENCO1 và Công ty tổ chức:

+ Tham gia lớp đào tạo cán bộ quản lý đào tạo trong doanh nghiệp; lớp đào tạo Quản lý cấp 3; lớp đào tạo Quản lý cấp 4; lớp đào tạo nhận thức An toàn thông tin cho cán bộ quản lý; lớp đào tạo nhận thức An toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách do EVNGENCO1 tổ chức;

+ Tham dự Hội thảo “Khoa học công nghệ trong kiểm tra đánh giá an toàn đập” do Bộ Công Thương tổ chức;

+ Tham gia Hội nghị tập huấn công tác Quy hoạch cán bộ; Hội nghị tập huấn xây dựng bài giảng Microlearning; tập huấn về công tác bảo vệ môi trường do EVN tổ chức;

+ Đào tạo Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và Quản lý rủi ro, kiểm soát nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015;

+ Huấn luyện cấp cứu người bị điện giật; đào tạo, diễn tập chữa cháy và cứu hộ tại Nhà máy Thủy điện Đa Nhim; đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ PCCC, cứu nạn cứu hộ khu vực Hàm Thuận - Đa Mi; diễn tập công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn công trình Thủy điện Đa Nhim năm 2023...

- Triển khai công tác bồi dưỡng nghề, kiểm tra sát hạch nghề, thi giữ bậc và nâng bậc năm 2023: Công ty tổ chức bồi dưỡng nghề, kiểm tra sát hạch nghề, thi giữ bậc, nâng bậc năm 2023 cho 109 CBCNV trực tiếp sản xuất.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với công tác an sinh xã hội và quan hệ cộng đồng nhằm chung tay cùng chính quyền địa phương cải thiện cuộc sống những hộ dân đang còn khó khăn tại khu vực có các nhà máy điện, trụ sở của Công ty đang hoạt động.

Trong năm 2023 Công ty tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận và Lâm Đồng với tổng giá trị hơn 3 tỷ đồng.

Khởi đầu hoạt động an sinh xã hội năm 2023 bằng Chương trình “Xuân yêu thương - Tết ấm lòng”, Công ty đã trao tặng 862 phần quà cho các gia đình cần giúp đỡ tại thành phố Bảo Lộc, huyện Đơn Dương (tỉnh Lâm Đồng), huyện Hàm Thuận Bắc (tỉnh Bình Thuận) và huyện Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận).

Bên cạnh các hoạt động an sinh xã hội thường làm, Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động mang tính phát triển bền vững cho cộng đồng như: Tài trợ xây nhà Đại đoàn kết trên địa bàn huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận và thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; tài trợ giáo dục bằng hiện vật như máy tính, tivi, máy bơm nước... cho các trường học tại xã Đa Mi, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; hỗ trợ kinh phí trang bị dụng cụ y tế tại phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình thực hiện SXKD năm 2023

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2023	TH 2023	% TH/KH
-----	----------	-----	---------	---------	---------



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusoichinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

1	Sản lượng điện				
	SLĐ sản xuất	Tr.kWh	2.884,28	3.099,98	107,48%
	SLĐ thương phẩm	Tr.kWh	2.860,49	3.077,39	107,58%
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	2.263.379	2.431.740	107,44%
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.191.093	1.062.998	89,25%
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	1.072.286	1.368.742	127,65%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	857.829	1.109.931	129,39%

Nhìn chung, tình hình thủy văn trong năm 2023 khá thuận lợi ảnh hưởng tích cực đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đều đạt cao so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (triệu đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)
1	Tài sản ngắn hạn	2.232.453	2.077.659
2	Tài sản dài hạn	6.378.673	5.941.471
Tổng cộng tài sản		8.611.126	8.019.130

Tổng tài sản của Công ty năm 2023 giảm 591,997 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 6,87% so với năm 2022.

Trong đó tài sản dài hạn giảm 437,202 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 6,85%, tài sản ngắn hạn giảm 154,794 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ giảm 6,93%. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu là do tài sản cố định giảm 377,150 tỷ đồng (do giá trị trích khấu hao của các TSCĐ trong năm).

Tài sản ngắn hạn năm 2023 giảm chủ yếu là do việc Tiền và các khoản tương đương tiền ghi nhận sụt giảm mạnh. Trong cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn vẫn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty, thể hiện sự chú trọng của Công ty vào đầu tư, xây dựng các tài sản dài hạn, phù hợp với năng lực sản xuất và định hướng phát triển kinh doanh bền vững của Công ty. Mặt khác, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản phản ánh đúng đặc điểm ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung trong năm 2023, Công ty vẫn tiếp tục sử dụng tài sản một cách hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời tình hình tài chính được cải thiện, trở nên vững vàng, lành mạnh hơn và giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn vốn bên ngoài.

b) Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (triệu đồng)	Năm 2023 (triệu đồng)
1	Nợ ngắn hạn	547.694	1.328.585
2	Nợ dài hạn	1.570.554	1.407.406
Tổng Nợ phải trả		2.118.248	2.735.991

- Công ty theo dõi chặt chẽ nợ đến hạn trả để chủ động thanh toán cho các khoản nợ đến hạn. Tổng giá trị nợ phải trả đến cuối kỳ báo cáo là 2.735,991 tỷ đồng, tăng so với đầu

năm 617,742 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng chủ yếu do khoản tạm ứng cổ tức 20% của năm 2023 đã chốt danh sách cổ đông vào ngày 08 tháng 12 năm 2023; các khoản phải trả người bán cuối năm 2023 là 146,1 tỷ đồng tăng so với cuối năm 2022 là 40,6 tỷ chủ yếu là các khoản phải trả cho nhà cung cấp các hợp đồng mua sắm vật tư thiết bị và TSCĐ trong năm của Công ty; khoản vay ngắn hạn giảm 85,604 tỷ đồng do khoản phải trả nợ gốc của Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi giảm.

- Đánh giá tình hình đối chiếu công nợ phải trả và nêu các biện pháp quản lý công nợ phải thu được áp dụng trong kỳ báo cáo. Công ty đều thực hiện đối chiếu công nợ với nhà cung cấp. Thường xuyên đôn đốc nhà cung cấp xác nhận đối chiếu công nợ và gửi về Công ty đúng thời hạn. Tỷ lệ đối chiếu khoản nợ phải trả đạt 100%.

- Nêu các khoản nợ phải trả quá hạn và các khoản trích lập dự phòng nợ phải trả. Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, Công ty đã có nhiều đổi mới về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý như sau:

- Kiện toàn mô hình tổ chức của Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định biên lao động được phê duyệt: Giải thể phòng Vận hành thị trường điện; sáp nhập phòng Tư vấn và Thiết kế vào phòng Tổng hợp thuộc Trung tâm Dịch vụ sửa chữa.

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Công ty; Lập mô tả công việc của từng chức danh tại các đơn vị trong Công ty đảm bảo khoa học, hợp lý và tăng năng suất lao động của từng chức danh.

- Sắp xếp bố trí đúng năng lực, sở trường của từng người lao động; sắp xếp, bố trí lại lao động hợp lý để không tăng thêm lao động.

- Tập trung đào tạo nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; đào tạo chuyên gia về kỹ thuật; tuyển chọn các cán bộ có đủ năng lực để đào tạo về các lĩnh vực mũi nhọn.

- Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, đào tạo nâng bậc và chuẩn hóa chất lượng đội ngũ công nhân kỹ thuật, tạo điều kiện cho CBCNV học tập nâng cao trình độ về quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ.

- Thực hiện công tác lập kế hoạch đào tạo sát với nhu cầu thực tế; tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo hàng năm.

- Tiếp tục rà soát, cử cán bộ đương nhiệm và quy hoạch tham gia các lớp đào tạo cán bộ quản lý các cấp theo chương trình khung của EVN; tăng cường công tác số hóa tài liệu đào tạo và đào tạo qua hệ thống E-learning.

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ, kế hoạch Chuyển đổi số do EVN/Tổng công ty giao.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất, tăng cường sử dụng các phần mềm D-Office, quản lý nhân sự ...

- Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến và ý tưởng cải cách hành chính góp phần vào việc tăng năng suất lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

STT	Nội dung	ĐVT	KH 2024
1	Sản lượng điện		
	Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	Tr.kWh	3.045
	Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	Tr.kWh	3.020
2	Tổng doanh thu		1.898.540
3	Tổng chi phí	Tr.đồng	1.220.832
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	677.707
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	542.166
6	Cổ tức	%	12%

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Bảo vệ môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu trong các kế hoạch hoạt động hằng năm của DNH và Công ty đã thực hiện nhiều hoạt động để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Cụ thể, Công ty hướng đến sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường, và đồng thời phổ biến và tuyên truyền các biện pháp bảo vệ môi trường đến các cấp lãnh đạo, CBCNV, và người dân địa phương.

Tất cả các nhà máy thuộc Công ty quản lý là loại nhà máy thủy điện, điện mặt trời sử dụng nước mặt và năng lượng mặt trời để sản xuất điện năng, quy trình sản xuất không sử dụng hóa chất, không có xả thải ra môi trường bên ngoài. Nước thải chủ yếu tại các nhà máy là nước thải sinh hoạt của Cán bộ công nhân viên hàng ngày.

Ngoài ra, Công ty cũng đã tổ chức phân loại chất thải trong khu vực sản xuất và cả tại các khu nhà trực vận hành để từng CBCNV nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và đảm bảo mỹ quan tại nơi làm việc và nơi ở.

Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương xả điều tiết nước hồ Đơn Dương, hồ Hàm Thuận qua đập tràn góp phần đảm bảo an toàn cho hạ du. Trong quá trình điều tiết lũ, Công ty thường xuyên liên lạc với chính quyền địa để phối hợp trong việc cung cấp thông tin và nhận sự chỉ đạo trong công tác vận hành hồ chứa. Việc phối hợp vận hành, điều tiết hồ chứa hiệu quả.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo việc làm ổn định cho Người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với các chế độ lương thưởng cho người lao động, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hằng năm, luôn tạo điều kiện để Người lao động thể hiện năng lực bản thân, được học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ. Đặc biệt là thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục được cải thiện, làm cho Người lao động ngày càng gắn bó với Công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh việc hoạt động sản xuất kinh doanh, hằng năm, Công ty đã thực hiện nhiều công tác hỗ trợ cộng đồng thông qua nhiều chương trình từ thiện - xã hội ý nghĩa.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tự thấy có trách nhiệm với cộng đồng. Trong thời gian qua, Công ty đã tiết giảm chi phí, tận dụng mọi nguồn lực phù hợp với quy định để thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn hoạt động của Công ty, nhằm góp phần tạo cuộc sống cho người dân trong vùng ngày càng tốt hơn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2023, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.884,28	3.099,98	107,5
2	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.860,49	3.077,39	107,6
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	2.263.379	2.431.740	107,5
4	Tổng chi phí	Tr.đ	1.191.093	1.062.973	89,2
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	1.072.286	1.368.767	127,6
6	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	857.829	1.109.931	129,4
7	Cổ tức	%	20	28,5	142,5

Các nội dung được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua đã được triển khai thực hiện đầy đủ, đúng quy định, bao gồm: Tiền lương thực hiện năm 2022, kế hoạch tiền lương năm 2023 của người quản lý; tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022 và thù lao kế hoạch năm 2023 của HĐQT và Ban kiểm soát; phân phối lợi nhuận năm 2022, lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Trong năm 2023, Công ty vẫn tiếp tục tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường. Ngoài các hoạt động an sinh xã hội thường làm, HĐQT đã chỉ đạo Công ty chú trọng thực hiện các hoạt động mang tính phát triển bền vững cho cộng đồng như: Tài trợ xây nhà Đại đoàn kết trên địa bàn huyện Ninh Sơn (tỉnh Ninh Thuận), trên địa bàn huyện Đơn Dương và thành phố Bảo Lộc (tỉnh Lâm Đồng); tài trợ giáo dục bằng hiện vật như máy tính, tivi, máy bơm nước; dụng cụ học tập... cho các trường học tại xã Đa Mi, xã Đông Tiến, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận; hỗ trợ kinh phí trang bị dụng cụ y tế tại phường Lộc Sơn, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng... và tham gia thực hiện nhiều hoạt động an sinh xã hội khác nhằm chia sẻ khó khăn với người dân địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

- Trong năm 2023, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Ban Tổng giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình

tài chính, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và các hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Duy trì tốt lịch họp hàng tháng để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh các giải pháp trong công tác quản lý điều hành một cách linh hoạt.

- Với những kết quả đạt được về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận,... HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc trong năm 2023.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã ban hành Chương trình làm việc năm 2024 nhằm cụ thể hóa các mặt công tác trong năm 2024. Năm 2024 tập trung vào các vấn đề sau:

- Công tác sản xuất kinh doanh: Chỉ đạo triển khai thành công Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 trên cơ sở đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, ổn định và đạt hiệu quả. Phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận và đảm bảo cố gắng theo kế hoạch đề ra.

- Công tác đầu tư: Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc quyết toán hoàn thành Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim và thực hiện các bước để triển khai Dự án mở rộng Nhà máy thủy điện Đa Nhim giai đoạn 2.

- Công tác tổ chức, lao động và tiền lương: Chỉ đạo các vấn đề liên quan đến việc xây dựng định biên và sắp xếp lại lao động, Quy chế phân phối lương sản xuất điện.

- Công tác quản trị nội bộ: Chỉ đạo rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023)

STT	HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu (*)
1	Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch	Cá nhân: 700 CP Đại diện: 189.946.395 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 44,97%
2	Ông Đặng Văn Cường	Thành viên	Cá nhân: 0 CP Đại diện: 147.736.085 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 34,97%
3	Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên	Cá nhân: 7.100 CP Đại diện: 84.420.620 CP	Cá nhân: 0% Đại diện: 19,99%

*Ghi chú: Tính tại ngày 02 tháng 4 năm 2024

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Tóm tắt lý lịch
1	Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch HĐQT	- Sinh năm: 1968 - Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Quá trình công tác: + Từ 9/1992 đến 02/1993: Kỹ sư điện, làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh.

		<p>+ Từ 3/1993 đến 3/1996: Kỹ sư điện, làm việc tại Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 4/1996 đến 7/1997: Tổ trưởng tổ Thí nghiệm điện - Phân xưởng Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 8/1997 đến 12/1998: Phó Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 01/1999 đến 12/2006: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa - Nhà máy thủy điện Đa Nhim.</p> <p>+ Từ 01/2007 đến 10/2007: Quản đốc Phân xưởng Sửa chữa 1 - Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 11/2007 đến 9/2011: Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 10/2011 đến 6/2017: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 7/2017 đến 28/02/2022: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.</p> <p>+ Từ 28/02/2022 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận- Đa Mi.</p> <p>- Số cổ phiếu nắm giữ: + Sở hữu: 700 CP, tỷ lệ: 0%. + Đại diện Tổng công ty Phát điện 1 sở hữu: 189.946.395 CP, tỷ lệ: 44,97%.</p>
2	Ông Đặng Văn Cường Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc	Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành
3	Ông Đỗ Minh Lộc Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc	Xem lý lịch tại mục Lý lịch Ban điều hành

b) Các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và tổ chức lấy ý cổ đông bằng văn bản về việc điều chỉnh mức cổ tức năm 2023.

HĐQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HĐQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 22 cuộc họp và 116 lượt lấy phiếu ý kiến để thông qua các nội dung do Ban Tổng giám đốc trình liên quan đến công tác điều hành, sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. HĐQT đã ký ban hành 138 Nghị quyết/Quyết định, trong đó:

- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua cuộc họp: 22.
- Nghị quyết/Quyết định của HĐQT thông qua lấy ý kiến bằng văn bản: 116.

Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định ban hành trong năm 2023 theo Phụ lục đính kèm.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Ông Lê Văn Quang - Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chứng chỉ hoàn thành Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty đại chúng do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán - Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09 tháng 10 năm 2023.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (cá nhân)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban	0	0%	Miễn nhiệm ngày 27/4/2023
2	Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban	0	0%	Bổ nhiệm ngày 27/4/2023
3	Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên	0	0%	
4	Ông Đặng Văn Minh	Thành viên	0	0%	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

- Về hoạt động kiểm soát: Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã triển khai làm việc theo kế hoạch với tinh thần làm việc trung thực, cẩn trọng, khách quan, vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty.

- Về kết quả các cuộc họp Ban kiểm soát: Trong năm 2023 Ban kiểm soát đã tiến hành họp 04 lần để thống nhất các kết quả các đợt kiểm soát trong năm 2023, các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và họp bầu Trưởng Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028. Kết quả các cuộc họp của Ban kiểm soát trong năm 2023 như sau:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Đăng Dung	2/4	50%	100%	Trưởng BKS đến ngày 27/4/2023
2	Bà Đinh Hải Ninh	2/4	50%	100%	Trưởng BKS từ ngày 27/4/2023
3	Ông Đặng Văn Minh	4/4	100%	100%	
4	Ông Phạm Viết Kỳ	4/4	100%	100%	

- Nội dung cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Nội dung	Ngày họp	Nội dung chi tiết	Kết quả
1	Cuộc họp 1	10/4/2023	Thông nhất kết quả kiểm soát đợt 3 năm tài chính 2022	Nhất trí 100%
2	Cuộc họp 2	21/4/2023	Thông nhất các nội dung Báo cáo Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	Nhất trí 100%
3	Cuộc họp 3	27/4/2023	Bầu trưởng Ban kiểm soát	Nhất trí 100%
4	Cuộc họp 4	21/8/2023	Thông nhất kết quả kiểm soát đợt 1 năm tài chính 2023	Nhất trí 100%

c) Phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc: Ban kiểm soát đã có sự phối hợp tốt, chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty trong công tác kiểm soát theo đúng chức năng nhiệm vụ của ban kiểm soát trong năm 2023

d) Phương hướng hoạt động năm 2024

Căn cứ vào kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát đề ra phương hướng hoạt động năm 2024 như sau:

- Tiếp tục triển khai các công tác kiểm soát định kỳ và đột xuất theo chương trình, kế hoạch đề ra và thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- Giám sát việc chấp hành Quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định có liên quan đến hoạt động của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch sửa chữa lớn, kế hoạch đầu tư,... được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thẩm tra báo cáo tài chính, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ của Công ty.

- Giám sát việc công bố thông tin, đảm bảo đầy đủ, kịp thời cho cổ đông và các bên có liên quan.

- Kiểm tra, kiểm soát đột xuất theo chuyên đề khi có ý kiến yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, thù lao Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

		Đơn vị tính: Đồng	
		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch	825.834.016	926.963.442
Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2022)	-	186.117.158
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	795.186.944	533.725.258
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	703.684.018	952.633.898
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	627.841.500	952.633.898
Ông Đỗ Minh Lộc	Quyền Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022 miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	276.000.000

Ban kiểm soát

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	144.900.058	-
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	79.269.702	181.228.382
Thành viên khác trong Ban Kiểm soát	Thành viên Ban Kiểm soát	913.098.996	1.042.063.198

Người quản lý khác

Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng	628.903.296	561.700.000
------------------	----------------	-------------	-------------

4.718.718.530 5.613.065.234

Thu nhập khác ngoài lương của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị tính: Đồng

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thưởng và phúc lợi khác	685.506.000	573.410.014

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không phát sinh

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Hợp đồng giữa Công ty với Công ty con là Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha:

- Hợp đồng cung cấp nhân sự vận hành Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2023, giá trị sau thuế là 963.290.900 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

- Hợp đồng cho thuê Văn phòng làm việc tại khu nhà trực vận hành và sửa chữa Nhà máy Thủy điện Đa Nhim năm 2023, giá trị sau thuế là 52.800.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 10%).

- Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H2 và xử lý một số hạng mục trạm 110kV Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 năm 2023, giá hợp đồng sau thuế là 268.047.554 đồng.

- Hợp đồng kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa tổ máy H5 Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 2 năm 2023, giá hợp đồng sau thuế là 281.849.760 đồng.

d) Hợp đồng, giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Đơn vị tính: Đồng	
	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.283.967.798.273	2.648.729.390.994
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	85.837.992.591	90.972.728.764
Công ty Thủy điện Đại Ninh	188.289.000	170.780.400
Công ty Thủy điện Đồng Nai	44.910.000	80.838.000
	2.370.038.989.864	2.739.953.738.158
Mua hàng và dịch vụ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.436.994.559	3.689.527.417
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	4.170.711.980	3.345.269.107
	9.607.706.539	7.034.796.524
Lãi cho vay		
Tổng Công ty Phát điện 1	71.154.024.775	60.017.182.223
	71.154.024.775	60.017.182.223
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.668.794.985	9.026.741.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	6.969.600.000	3.200.000.000
	31.638.394.985	12.226.741.500

Nhận cổ tức

Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	19.265.645.430	9.026.741.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	6.969.600.000	3.200.000.000
	26.235.245.430	12.226.741.500

Chia cổ tức

Tổng Công ty Phát điện 1	2.279.356.740.000	1.477.360.850.000
	2.279.356.740.000	1.477.360.850.000

Chi trả cổ tức

Tổng Công ty Phát điện 1	844.206.200.000	1.477.360.850.000
	844.206.200.000	1.477.360.850.000

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn coi trọng và tự ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh, đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định khác liên quan về quản trị công ty đại chúng.

Để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Công ty, Công ty đã áp dụng các giải pháp và kế hoạch như sau:

- Tiếp tục xây dựng và nâng cấp website công ty để cập nhật, công bố thông tin đầy đủ và kịp thời đến cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư, nhằm giúp tăng tính minh bạch, đồng thời cải thiện hình ảnh và đánh giá của công ty trên thị trường.

- Để đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin đối với nhà đầu tư, Công ty duy trì tuân thủ các quy định về công bố thông tin với UBCKNN và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Website theo đúng quy định của Pháp luật để cung cấp thông tin đầy đủ cho nhà đầu tư.

- Tiếp tục xây dựng các kế hoạch kế nhiệm, các chương trình định hướng và đào tạo cho các thành viên HĐQT và Ban điều hành, các vị trí lãnh đạo chủ chốt khác, nhằm tăng cường năng lực quản trị và tạo ra một đội ngũ lãnh đạo có khả năng đáp ứng các thách thức trong quá trình hoạt động của công ty.

- Cập nhật thường xuyên các kiến thức, thông lệ quốc tế về Quản trị Công ty trong và ngoài nước để cải thiện chuẩn mực và thực tiễn thực hành quản trị của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Theo Phụ lục đính kèm.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Theo Phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HCLĐ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Cường

Phụ lục**DANH MỤC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2023**

(Đính kèm Báo cáo số / BC-TĐĐHĐ ngày /4/2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi)

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HĐQT	01/01/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc	100%
2	02/NQ-HĐQT	05/01/2023	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Phiên họp lần 1 năm 2023	100%
3	03/NQ-HĐQT	11/01/2023	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 1	100%
4	04/NQ-HĐQT	12/01/2023	Nghị quyết về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2022 đợt 1 cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
5	05/QĐ-HĐQT	12/01/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán các gói thầu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%
6	06/QĐ-HĐQT	12/01/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định đấu thầu các gói thầu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%
7	07/NQ-HĐQT	17/01/2023	Nghị quyết về việc ký kết các hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
8	08/QĐ-HĐQT	18/01/2023	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập dự toán hạng mục “Ống piezometer đo đường bão hòa thấm trong thân đập Hàm Thuận và Đa Mi”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022 (đợt 1)	100%
9	11/NQ-HĐQT	30/01/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	12/QĐ-HĐQT	31/01/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định dự toán và đấu thầu các gói thầu thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%
11	13/NQ-HĐQT	31/01/2023	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 2	100%
12	14/NQ-HĐQT	01/02/2023	Nghị quyết về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2022 đợt 2 cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
13	15/QĐ-HĐQT	20/02/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định phương án kỹ thuật, dự toán và đấu thầu các gói thầu sử dụng vốn sản xuất kinh doanh và vốn đầu tư phát triển thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị	100%
14	16/NQ-HĐQT	21/02/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2022	100%
15	17/NQ-HĐQT	22/02/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm 2022	100%
16	18/NQ-HĐQT	23/02/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023 hiệu chỉnh Hạng mục Tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận	100%
17	19/NQ-HĐQT	27/02/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các gói thầu thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023 - Đợt 1	100%
18	20/NQ-HĐQT	01/03/2023	Nghị quyết về việc Phê duyệt dự toán gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt Bộ cơ cấu truyền động và sửa chữa Hộp bộ máy cắt đầu cực Hàm Thuận” thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
19	21/NQ-HĐQT	07/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các gói thầu thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023 - Đợt 2	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐÀ MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
20	22/QĐ-HĐQT	09/03/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ thư ký trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
21	23/QĐ-HĐQT	10/03/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ rà soát, chấn chỉnh, rút kinh nghiệm công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
22	24/NQ-HĐQT	10/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Chương trình quản trị rủi ro tổng thể năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
23	25/NQ-HĐQT	10/03/2023	Nghị quyết về việc thông qua thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
24	26/NQ-HĐQT	10/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt dự toán gói thầu số 8: Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022- 2025, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2022	100%
25	27/NQ-HĐQT	13/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt Bộ cơ cấu truyền động và sửa chữa Hộp bộ máy cắt đầu cực Hàm Thuận” thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
26	28/QĐ-HĐQT	16/03/2023	Quyết định về việc thành lập Tổ Kiểm soát tuân thủ tại Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
27	29/NQ-HĐQT	17/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Danh mục rủi ro trọng yếu năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
28	30/NQ-HĐQT	20/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 của người quản lý và người lao động	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
29	31/NQ-HĐQT	20/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 8: “Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%
30	32/NQ-HĐQT	22/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Nhiệm vụ kỹ thuật và Dự toán công tác khảo sát và thiết kế hạng mục “Xử lý xói ngầm qua hệ thống thoát nước ngầm vai phải đập tràn Đơn Dương”	100%
31	33/NQ-HĐQT	23/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt dự toán gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều tốc tổ máy H4, H5 Sông Pha”, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
32	34/NQ-HĐQT	03/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Cung cấp, lắp đặt máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Đa Mi”	100%
33	35/NQ-HĐQT	03/4/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện “Xử lý sự cố Máy biến áp 2T Nhà máy Thủy điện Đa Mi”	100%
34	36/NQ-HĐQT	04/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 5: “Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
35	37/NQ-HĐQT	06/4/2023	Nghị quyết về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình	100%
36	38/NQ-HĐQT	07/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các gói thầu thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023 - Đợt 3	100%
37	40/NQ-HĐQT	07/4/2023	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Phiên họp quý 2 năm 2023	100%
38	41/NQ-HĐQT	10/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Dự toán gói thầu “Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận”, thuộc danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
39	42/QĐ-HĐQT	11/4/2023	Quyết định thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
40	43/NQ-HĐQT	11/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Dự toán gói thầu “Mái thượng lưu vai trái đập tràn Đơn Dương”, thuộc danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
41	45/NQ-HĐQT	15/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Phương án kỹ thuật và Dự toán gói thầu “Sửa chữa MBA T2 103MVA - 230/13,8kV NMTĐ Đa Mi”	100%
42	46/NQ-HĐQT	15/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu “Sửa chữa MBA T2 103MVA - 230/13,8kV NMTĐ Đa Mi”	100%
43	47/NQ-HĐQT	17/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu “Sửa chữa MBA T2 103MVA - 230/13,8kV NMTĐ Đa Mi”	100%
44	48/NQ-HĐQT	20/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu, gói thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều tốc tổ máy H4, H5 Sông Pha”, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
45	49/NQ-HĐQT	24/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt dự toán gói thầu “Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2023	100%
46	50/NQ-HĐQT	24/4/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu, gói thầu “Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận” thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
47	51/NQ-HĐQT	26/4/2023	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
48	53/NQ-HĐQT	04/5/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu số 8: “Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%
49	54/NQ-HĐQT	04/5/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và E-Hồ sơ mời thầu gói thầu: “Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại”	100%
50	55/NQ-HĐQT	07/5/2023	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022	100%
51	56/NQ-HĐQT	10/5/2023	Nghị quyết thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	100%
52	57/NQ-HĐQT	12/5/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Dự toán gói thầu số 1: “Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
53	58/NQ-HĐQT	12/5/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương trả nợ trước hạn phần vay theo lãi suất thả nổi của Thỏa thuận vay ADB - Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	100%
54	59/NQ-HĐQT	16/5/2023	Nghị quyết về việc trích lập và chi trả quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2022	100%
55	60/NQ-HĐQT	16/5/2023	Nghị quyết về việc kiện toàn nhân sự Người đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
56	61/NQ-HĐQT	16/5/2023	Nghị quyết về việc thông qua nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (HSC)	100%
57	62/NQ-HĐQT	17/5/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu số 1: “Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%
58	63/NQ-HĐQT	23/5/2023	Nghị quyết phê duyệt chi trả trước cổ tức năm 2022 đợt 3 cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
59	64/NQ-HĐQT	25/5/2023	Nghị quyết phê duyệt trích lập và kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	100%
60	65/NQ-HĐQT	30/5/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu gói thầu số 5: “Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
61	66/NQ-HĐQT	30/5/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt E-Hồ sơ mời thầu, gói thầu “Mái thượng lưu vai trái đập tràn Đơn Dương” thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
62	67/NQ-HĐQT	31/5/2023	Nghị quyết thông qua chủ trương bổ nhiệm lại chức vụ Phó giám đốc Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
63	68/NQ-HĐQT	13/6/2023	Nghị quyết phê duyệt chi trả trước cổ tức năm 2022 đợt cuối cho Tổng công ty Phát điện 1	100%
64	69/NQ-HĐQT	15/6/2023	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế sử dụng Quỹ phúc lợi	100%
65	70/NQ-HĐQT	23/6/2023	Nghị quyết thông qua chủ trương về việc bổ nhiệm lại cán bộ	100%
66	71/NQ-HĐQT	26/6/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật gói thầu “Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều tốc tổ máy H4, H5 Sông Pha”, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
67	72/NQ-HĐQT	26/6/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt hủy thầu và tổ chức đấu thầu lại Gói thầu số 8 “Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%
68	73/NQ-HĐQT	27/6/2023	Nghị quyết Về việc phê duyệt hủy thầu và tổ chức đấu thầu lại Gói thầu số 8 “Nâng cấp, thay thế, trang bị mới thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo hạ tầng phục vụ chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
69	74/NQ-HĐQT	28/6/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án kỹ thuật và Dự toán gói thầu “Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận”, thuộc danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
70	75/NQ-HĐQT	03/7/2023	Nghị quyết về việc cập nhật kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2023	100%
71	76/QĐ-HĐQT	03/7/2023	Quyết định về việc bổ nhiệm lại cán bộ	100%
72	77/NQ-HĐQT	03/7/2023	Nghị quyết phê duyệt hủy thầu và điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%
73	78/NQ-HĐQT	05/7/2023	Nghị quyết phê duyệt sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh chi hỗ trợ các địa phương năm 2023	100%
74	79/NQ-HĐQT	05/7/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu “Đường vận hành đi đập tràn Hàm Thuận”, thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
75	80/NQ-HĐQT	05/7/2023	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục hợp đồng cho vay lại Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
76	81/NQ-HĐQT	07/7/2023	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp quý 3 năm 2023	100%
77	82/NQ-HĐQT	07/7/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu “Mái thượng lưu vai trái đập tràn Đơn Dương”, thuộc kế hoạch sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
78	84/NQ-HĐQT	17/7/2023	Nghị quyết về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Quy định quản lý chi tiêu nội bộ	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
79	85/NQ-HĐQT	17/7/2023	Nghị quyết về việc thông qua nội dung Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH, Dự toán NSNN và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2023; Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 27/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
80	86/NQ-HĐQT	19/7/2023	Nghị quyết thông qua chủ trương kiện toàn mô hình tổ chức Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
81	87/NQ-HĐQT	21/7/2023	Nghị quyết phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2024	100%
82	88/QĐ-HĐQT	25/7/2023	Quyết định về việc đổi tên Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
83	89/NQ-HĐQT	27/7/2023	Nghị quyết phê duyệt kiện toàn cơ cấu nhân sự trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đến năm 2025	100%
84	90/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt thiết bị hệ thống điều tốc tổ máy H4, H5 Sông Pha”, thuộc các gói thầu sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2023	100%
85	91/NQ-HĐQT	28/7/2023	Nghị quyết Phê duyệt kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật, gói thầu số 1: “Nâng cấp hệ thống điều khiển trạm GIS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%
86	92/NQ-HĐQT	31/7/2023	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch điều động, bổ nhiệm cán bộ sau khi kiện toàn mô hình tổ chức Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim -Hàm Thuận -Đa Mi năm 2023	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
87	93/QĐ-HĐQT	31/7/2023	Quyết định về việc sáp nhập Phòng Tư vấn và Thiết kế vào Phòng Tổng hợp thuộc Trung tâm Dịch vụ sửa chữa	100%
88	94/QĐ-HĐQT	31/7/2023	Quyết định về việc giải thể Phòng Vận hành Thị trường điện	100%
89	95/NQ-HĐQT	08/8/2023	Nghị quyết phê duyệt kết quả đánh giá E-Hồ sơ đề xuất kỹ thuật gói thầu số 5: “Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện”, thuộc nguồn vốn đầu tư phát triển 2022-2023	100%
90	96/NQ-HĐQT	08/8/2023	Nghị quyết Thông qua chủ trương mua sắm “Sứ cao thế Bushing 230kV Máy biến áp chính Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận” sử dụng vốn SXKD năm 2023	100%
91	97/NQ-HĐQT	10/8/2023	Nghị quyết Về việc thông qua Dự thảo hợp đồng thực hiện gói thầu “Lắp đặt thiết bị tổ máy phát điện” thuộc Dự án Nâng cấp thiết bị tổ máy phát điện - Nhà máy Thủy điện Thác Bà	100%
92	98/NQ-HĐQT	14/8/2023	Nghị quyết Phê duyệt kiện toàn cơ cấu nhân sự trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đến năm 2025	100%
93	99/NQ-HĐQT	21/8/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt dự toán Gói thầu: Cung cấp vật tư sửa chữa thiết bị điều tốc, điều khiển van chính tổ máy H1, H2, H3 Sông Pha	100%
94	100/QĐ-HĐQT	22/8/2023	Quyết định Về việc bổ nhiệm lại cán bộ	100%
95	101/NQ-HĐQT	25/8/2023	Nghị quyết về việc thông qua dự thảo hợp đồng với Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
96	102/NQ-HĐQT	25/8/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu: “Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2023	100%
97	103/NQ-HĐQT	29/8/2023	Nghị quyết về việc áp dụng Quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam và Tổng công ty Phát điện 1 tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
98	104/NQ-HĐQT	29/8/2023	Nghị quyết về việc áp dụng Quy chế quản lý nội bộ của Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam tại Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi năm 2023 (lần 01)	100%
99	105/NQ-HĐQT	29/8/2023	Nghị quyết Thông qua chủ trương bổ nhiệm lại cán bộ Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
100	106/NQ-HĐQT	30/8/2023	Quyết định về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo An toàn thông tin Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
101	107/NQ-HĐQT	06/9/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và E-Hồ sơ mời thầu Gói thầu: Cung cấp vật tư sửa chữa thiết bị điều tốc, điều khiển van chính tổ máy H1, H2, H3 Sông Pha	100%
102	108/NQ-HĐQT	06/9/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2023	100%
103	109/NQ-HĐQT	08/9/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện xử lý sạt lở mái taluy âm đường vận hành công trình Hàm Thuận - Đa Mi	100%
104	110/NQ-HĐQT	20/9/2023	Nghị quyết về việc xem xét, lựa chọn tổ chức cấp tín dụng thay thế khoản vay của Tập đoàn Tài chính quốc tế (IFC) cho dự án Nhà máy	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			điện gió Phú Lạc - giai đoạn 2 và Nhà máy điện gió Lợi Hải 2 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW)	
105	111/NQ-HĐQT	22/9/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu Gói thầu: “Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại”	100%
106	112/NQ-HĐQT	29/9/2023	Nghị quyết phê duyệt hủy thầu gói thầu số 5: “Trung tâm OCC - Cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị trung tâm điều khiển OCC, hệ thống mạng bảo mật hệ thống điều khiển và thị trường điện”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định	100%
107	113/NQ-HĐQT	02/10/2023	Nghị quyết về việc biểu quyết lựa chọn tổ chức cấp tín dụng thay thế khoản vay của Tập đoàn Tài chính quốc tế (IFC) cho dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc - giai đoạn 2 và Nhà máy điện gió Lợi Hải 2 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW)	100%
108	114/NQ-HĐQT	06/10/2023	Nghị quyết Hội đồng quản trị - Phiên họp quý IV năm 2023	100%
109	115/NQ-HĐQT	09/10/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện Tư vấn khảo sát, lập Phương án kỹ thuật và Dự toán xử lý khiếm khuyết bề mặt đập chính Hàm Thuận	100%
110	116/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương phát hành bảo lãnh ngân hàng cho nghĩa vụ thanh toán đợt 19 Gói thầu số 12-(DNE-C1): Giám sát thi công xây lắp thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
111	117/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch kiện toàn công tác cán bộ năm 2023	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
112	119/NQ-HĐQT	10/10/2023	Nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
113	120/NQ-HĐQT	19/10/2023	Nghị quyết phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: “Cung cấp máy móc, thiết bị đo các loại”, thuộc các gói thầu mua sắm tài sản cố định năm 2023	100%
114	121/NQ-HĐQT	24/10/2023	Nghị quyết về việc lựa chọn tổ chức cấp tín dụng thay thế khoản vay của Tập đoàn Tài chính quốc tế (IFC) cho dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc - giai đoạn 2 và Nhà máy điện gió Lợi Hải 2 của Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình (TBW)	100%
115	122/QĐ-HĐQT	25/10/2023	Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
116	123/NQ-HĐQT	25/10/2023	Nghị quyết thông qua phương án và lộ trình sắp xếp lao động của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đến năm 2025	100%
117	124/NQ-HĐQT	26/10/2023	Nghị quyết thông qua danh mục các gói thầu sử dụng vốn SXKD năm 2024 triển khai thực hiện lựa chọn nhà thầu trong Quý IV năm 2023	100%
118	125/NQ-HĐQT	26/10/2023	Nghị quyết phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Cung cấp vật tư sửa chữa thiết bị điều tốc, điều khiển van chính tổ máy H1, H2, H3 Sông Pha	100%
119	126/NQ-HĐQT	6/11/2023	Nghị quyết phê duyệt sử dụng nguồn vốn SXKD chi hỗ trợ bổ sung các địa phương năm 2023	100%
120	127/NQ-HĐQT	23/11/2023	Nghị quyết phê duyệt danh mục Rủi ro trọng yếu năm 2024	100%

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
121	128/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 1 bằng tiền	100%
122	129/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để điều chỉnh mức cổ tức năm 2023	100%
123	130/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết về việc điều chỉnh mức cổ tức năm 2023	100%
124	131/NQ-HĐQT	27/11/2023	Nghị quyết phê duyệt đơn giá nhân công sửa chữa tự làm	100%
125	132/NQ-HĐQT	28/11/2023	Nghị quyết về việc thông qua sản lượng điện hợp đồng (Qc) các nhà máy điện trong tháng 12/2023	100%
126	133/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương thực hiện tư vấn lập hồ sơ thiết kế và dự toán bổ sung Hệ thống phòng cháy, chữa cháy khu vực nhà máy thủy điện Đa Nhim - Sông Pha	100%
127	134/NQ-HĐQT	30/11/2023	Nghị quyết về việc hiệu chỉnh kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2023	100%
128	135/NQ-HĐQT	07/12/2023	Nghị quyết thông qua chủ trương kiện toàn các chức danh cán bộ quản lý phòng, phân xưởng trong Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
129	136/NQ-HĐQT	08/12/2023	Nghị quyết về việc thông qua Dự thảo hợp đồng sửa đổi bổ sung số 12 của Hợp đồng mua bán điện nhà máy thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi - Sông Pha	100%
130	137/NQ-HĐQT	08/12/2023	Nghị quyết về việc thông qua Báo cáo cập nhật, điều chỉnh Dự án đầu tư Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	100%
131	138/NQ-HĐQT	12/12/2023	Nghị quyết về việc họp Hội đồng quản trị về việc thông qua tài liệu, hồ sơ trình Đại hội đồng cổ đông để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2023	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
132	139/NQ-HĐQT	21/12/2023	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	100%
133	140/NQ-HĐQT	21/12/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh - đầu tư xây dựng năm 2024 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	100%
134	141/NQ-HĐQT	22/12/2023	Nghị quyết về việc kế hoạch điều động cán bộ bổ sung năm 2023	100%
135	142/NQ-HĐQT	25/12/2023	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 2 bằng tiền	100%
136	143/QĐ-HĐQT	27/12/2023	Quyết định phân công nhiệm vụ Hội đồng quản trị Công ty	100%
137	144/NQ-HĐQT	29/12/2023	Nghị quyết phê duyệt kế hoạch rà soát, hiệu chỉnh Quy chế quản lý nội bộ, tài liệu nội bộ	100%
138	145/NQ-HĐQT	30/12/2023	Nghị quyết về việc thông qua sửa đổi bổ sung Quy chế phân cấp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	100%



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn; Website: <https://www.dhd.com.vn>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM – HÀM THUẬN –
ĐA MI**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch
Ông Đặng Văn Cường	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)
Ông Đặng Văn Minh	Thành viên
Ông Phạm Viết Kỳ	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Số: 0819 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 17 tháng 3 năm 2023 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Phan Ngọc Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 29 tháng 3 năm 2024
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2023-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.077.658.879.921	2.232.453.004.396
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	536.186.291.363	1.208.606.920.989
1. Tiền	111		7.336.359.863	16.235.303.589
2. Các khoản tương đương tiền	112		528.849.931.500	1.192.371.617.400
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	70.000.000.000	400.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		70.000.000.000	400.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.428.124.971.078	584.910.106.545
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.180.980.900.187	539.431.025.628
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.562.967.122	1.204.969.105
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	29	200.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	44.601.317.464	46.201.029.922
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.020.213.695)	(1.926.918.110)
IV. Hàng tồn kho	140	9	37.491.425.648	38.404.092.046
1. Hàng tồn kho	141		37.491.425.648	38.404.092.046
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.856.191.832	531.884.816
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	606.363.869	531.884.816
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	5.249.827.963	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.941.470.949.131	6.378.672.758.895
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		599.932.824.894	799.932.824.894
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	29	599.932.824.894	799.932.824.894
II. Tài sản cố định	220		4.933.484.262.836	5.299.544.680.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.932.820.455.298	5.298.542.592.414
- Nguyên giá	222		15.381.420.021.833	15.370.330.000.906
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.448.599.566.535)	(10.071.787.408.492)
2. Tài sản cố định vô hình	227		663.807.538	1.002.088.006
- Nguyên giá	228		2.335.628.057	2.335.628.057
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.671.820.519)	(1.333.540.051)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		100.596.498.555	18.336.877.279
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	100.596.498.555	18.336.877.279
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	211.131.850.077	173.727.615.127
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		143.771.850.077	133.387.615.127
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		37.360.000.000	37.360.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.000.000.000	2.980.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		96.325.512.769	87.130.761.175
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	39.369.645.676	28.483.465.178
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	9	56.955.867.093	58.647.295.997
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		8.019.129.829.052	8.611.125.763.291

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.735.990.711.823	2.118.247.722.036
I. Nợ ngắn hạn	310		1.328.584.847.404	547.693.606.404
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	146.095.934.134	105.469.704.645
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		240.636.582	570.636.582
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	135.586.722.201	166.817.899.691
4. Phải trả người lao động	314		37.294.280.150	31.601.014.763
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	13.281.341.092	13.884.701.955
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	845.540.888.494	868.056.425
7. Vay ngắn hạn	320	17	130.389.844.451	212.684.533.006
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	20.155.200.300	15.797.059.337
II. Nợ dài hạn	330		1.407.405.864.419	1.570.554.115.632
1. Vay dài hạn	338	17	1.407.405.864.419	1.570.554.115.632
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.283.139.117.229	6.492.878.041.255
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	5.283.139.117.229	6.492.878.041.255
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		475.444.837.801	463.090.827.367
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.175.788.921	56.529.799.355
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		500.485.070.048	1.692.019.990.664
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		51.400.268.411	195.147.472.086
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		449.084.801.637	1.496.872.518.578
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		58.033.420.459	57.237.423.869
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		8.019.129.829.052	8.611.125.763.291


Lê Xuân Phong
Người lập biểu


Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng





Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023C

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	2.372.957.441.096	2.752.653.519.158
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		2.372.957.441.096	2.752.653.519.158
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	1.004.463.840.352	995.874.575.613
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.368.493.600.744	1.756.778.943.545
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	150.027.528.927	188.568.081.711
6. Chi phí tài chính	22	25	60.473.976.086	64.750.909.360
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		58.729.852.906	64.139.997.242
7. Phần lãi trong công ty liên kết	24	5	20.383.134.950	20.067.818.146
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	89.156.961.632	90.197.654.079
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-26)	30		1.389.273.326.903	1.810.466.279.963
10. Thu nhập khác	31		75.303.511	18.055.442.978
11. Chi phí khác	32		72.831.006	982.280.831
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.472.505	17.073.162.147
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.389.275.799.408	1.827.539.442.110
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	260.077.513.434	323.002.521.905
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		1.129.198.285.974	1.504.536.920.205
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.123.173.498.184	1.496.872.518.578
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		6.024.787.790	7.664.401.627
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.659	3.421


Lê Xuân Phong
Người lập biểu


Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng


Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.389.275.799.408	1.827.539.442.110
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	377.150.438.511	363.833.020.615
Các khoản dự phòng	03	93.295.585	623.661.077
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(24.661.703.217)	(68.180.248.328)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(133.226.493.159)	(138.562.433.794)
Chi phí lãi vay	06	58.729.852.906	64.139.997.242
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.667.361.190.034	2.049.393.438.922
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(661.224.774.417)	9.849.707.305
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.604.095.302	(3.595.337.503)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(68.951.483.588)	7.308.474.237
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(10.960.659.551)	(22.283.254.349)
Tiền lãi vay đã trả	14	(59.333.213.769)	(74.238.317.737)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(242.444.687.961)	(392.493.477.328)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(48.819.069.037)	(28.875.148.383)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	578.231.397.013	1.545.066.085.164
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(26.891.035.150)	(11.645.858.986)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	223.782.561
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(100.000.000.000)	(300.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	402.980.000.000	812.620.748.152
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	135.509.044.545	57.788.571.215
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	411.598.009.395	558.987.242.942
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(221.295.679.292)	(206.679.219.305)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.440.960.000.000)	(1.423.130.860.277)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.662.255.679.292)	(1.629.810.079.582)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(672.426.272.884)	474.243.248.524
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.208.606.920.989	734.363.672.465
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	5.643.258	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	536.186.291.363	1.208.606.920.989

Lê Xuân Phong
Người lập biểu

Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng

Đặng Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5800452036 ngày 18 tháng 5 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lâm Đồng cấp và giấy chứng nhận điều chỉnh gần nhất ngày 07 tháng 7 năm 2022.

Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và chính thức hoạt động Theo mô hình Công ty Cổ phần từ ngày 07 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã cổ phiếu là DNH.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 263 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 266 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh điện năng;
- Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện;
- Mua bán xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị;
- Lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý các dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- Đầu tư xây dựng công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt điện, phong điện, năng lượng mặt trời; và
- Sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị điện, cơ khí, viễn thông, công nghệ thông tin.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về công ty con và công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ nắm giữ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Ninh Thuận	70%	70%	Sản xuất, kinh doanh điện năng
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Bình Thuận	20%	20%	Sản xuất, kinh doanh điện năng



Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con.

Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng) có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn phản ánh giá trị của các vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường, được phản ánh theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi dự phòng giảm giá (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá hoặc giá trị đánh giá lại trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá tài sản cố định bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử trừ giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

Các khoản lãi nội bộ và các khoản chi phí không hợp lý như nguyên liệu, vật liệu lãng phí, lao động hoặc các khoản chi phí khác sử dụng vượt quá mức bình thường trong quá trình tự xây dựng hoặc tự sản xuất không được tính vào nguyên giá tài sản cố định. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được xác định theo chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thực tế. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	08 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 15
Thiết bị văn phòng	03 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa lãi từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 03 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí phát sinh của công trình sửa chữa lớn chưa được hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng cuối năm được theo dõi trên tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang”.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí mua bảo hiểm, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước ngắn hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 12 tháng theo hợp đồng quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận khi công trình hoàn thành nghiệm thu và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 36 tháng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm theo các quy định hiện hành.

Chi phí phải trả

Khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ và chứng từ kế toán nhưng đã được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty chủ yếu là doanh thu bán điện. Doanh thu bán điện được xác định dựa trên tổng sản lượng điện phát và giá bán điện được quy định tại từng hợp đồng mua bán điện của mỗi nhà máy điện.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

00
TY
+
XN
GT
AM
P.H
THỦ
TP. BAO

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	238.629.332	206.990.061
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	7.097.730.531	16.028.313.528
Các khoản tương đương tiền (ii)	528.849.931.500	1.192.371.617.400
	<u>536.186.291.363</u>	<u>1.208.606.920.989</u>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 17, tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang sử dụng các khoản tiền gửi ngân hàng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số tiền 1.150 triệu VND làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty với Ngân hàng Phát triển Châu Á (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.363 triệu VND).
- (ii) Thể hiện các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn gốc từ 01 tuần đến 02 tháng và lãi suất 0,2%/năm đến 3,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng với lãi suất từ 3,2%/năm - 6%/năm).

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
a1) Ngắn hạn	70.000.000.000	70.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (i)</i>	<i>70.000.000.000</i>	<i>70.000.000.000</i>	<i>400.000.000.000</i>	<i>400.000.000.000</i>
a2) Dài hạn	30.000.000.000	30.000.000.000	2.980.000.000	2.980.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (ii)</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>30.000.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Trái phiếu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>2.980.000.000</i>	<i>2.980.000.000</i>

- (i) Phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng với lãi suất 4,7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 5%/năm - 6,3%/năm). Khoản tiền gửi này được dùng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty từ Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh số 17).
- (ii) Phản ánh các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có kỳ hạn gốc là 2 năm và thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng với lãi suất 4,9%/năm.

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý VND
b. Đầu tư tài chính dài hạn						
b1) Đầu tư vào công ty liên kết	100.079.200.000	-	143.774.275.204	100.079.200.000	-	133.387.615.127
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (iii)	100.079.200.000	-	143.774.275.204	100.079.200.000	-	133.387.615.127
Đầu tư vào đơn vị khác	37.360.000.000	-	223.312.095.100	37.360.000.000	-	148.684.073.604
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương (iv)	24.560.000.000	-	149.328.095.100	24.560.000.000	-	100.782.982.695
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ (iv)	12.800.000.000	-	73.984.000.000	12.800.000.000	-	47.901.090.909

(iii) Biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	133.387.615.127	123.318.696.981
Phần lãi được chia từ công ty liên kết	20.383.134.950	20.067.818.146
Chia cổ tức trong năm	(9.998.900.000)	(9.998.900.000)
	143.771.850.077	133.387.615.126

(iv) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.167.567.968.808	524.784.121.092
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.863.611.087	10.722.753.694
Khác	3.549.320.292	3.924.150.842
	1.180.980.900.187	539.431.025.628
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	1.177.431.579.895	535.506.874.786

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	37.916.738.857	45.987.980.148
Cổ tức được chia	5.403.149.555	-
Khác	1.281.429.052	213.049.774
	44.601.317.464	46.201.029.922
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	42.623.582.658	30.090.806.429

8. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	VND Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	VND Đối tượng nợ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Điện Hồi Xuân VNECO	1.543.893.615	240.636.582	Trên 3 năm	1.543.893.615	240.636.582	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Dây dựng Lắp máy IDICO (i)	440.943.600	440.943.600	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	440.943.600	308.660.520	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đamb'ri	465.050.000	139.515.000	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	465.050.000	232.525.000	Từ 1 năm đến dưới 2 năm
Công ty Cổ phần HPD Tân Lộc	862.843.322	471.421.660	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	862.843.322	603.990.325	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm
	3.312.730.537	1.292.516.842		3.312.730.537	1.385.812.427	

(i) Tính đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã thu hồi được toàn bộ số công nợ phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO.

9. HÀNG TỒN KHO VÀ PHỤ TÙNG THIẾT BỊ THAY THẾ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
a. Ngắn hạn				
Công cụ, dụng cụ	37.148.762.358	-	37.935.948.561	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	342.663.290	-	468.143.485	-
	37.491.425.648	-	38.404.092.046	-
b. Dài hạn				
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	56.955.867.093	-	58.647.295.997	-
	56.955.867.093	-	58.647.295.997	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	9.320.072.279.453	5.918.357.789.063	79.348.569.020	52.333.982.863	217.380.507	15.370.330.000.906
Tăng trong năm	-	7.171.545.454	-	5.449.522.220	-	12.621.067.674
Giảm trong năm	(1.318.046.916)	(212.999.831)	-	-	-	(1.531.046.747)
Số dư cuối năm	9.318.754.232.537	5.925.316.334.686	79.348.569.020	57.783.505.083	217.380.507	15.381.420.021.833
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	5.312.146.160.575	4.651.157.763.732	57.841.601.102	50.641.883.083	-	10.071.787.408.492
Khấu hao trong năm	205.686.040.296	165.424.905.351	4.103.469.097	1.597.743.299	-	376.812.158.043
Số dư cuối năm	5.517.832.200.871	4.816.582.669.083	61.945.070.199	52.239.626.382	-	10.448.599.566.535
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư đầu năm	4.007.926.118.878	1.267.200.025.331	21.506.967.918	1.692.099.780	217.380.507	5.298.542.592.414
Số dư cuối năm	3.800.922.031.666	1.108.733.665.603	17.403.498.821	5.543.878.701	217.380.507	4.932.820.455.298

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 3.856.662.530.671 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 3.845.929.930.892 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp các tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.072.357.535.389 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.300.921.417.735 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, Ngân hàng Phát triển Châu Á và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	99.943.996.273	3.650.765.909
Công trình sửa chữa lớn tài sản cố định	250.390.909	14.283.999.997
Các công trình khác	402.111.373	402.111.373
	100.596.498.555	18.336.877.279

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	606.363.869	531.884.816
	606.363.869	531.884.816
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	24.301.326.792	15.393.727.762
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.042.849.829	10.919.927.517
Khác	9.025.469.055	2.169.809.899
	39.369.645.676	28.483.465.178

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Công ty Cổ phần Máy tính Truyền thông Điều khiển 3C	72.744.633.600	72.744.633.600	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	15.904.458.596	15.904.458.596	16.389.223.096	16.389.223.096
Công ty Cổ phần Telematic	12.755.446.400	12.755.446.400	-	-
Nippon Koei Ltd	11.472.821.122	11.472.821.122	11.981.620.605	11.981.620.605
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thanh An	-	-	23.592.279.950	23.592.279.950
Công ty TNHH TM Sài Gòn Ban Mai	-	-	11.265.831.511	11.265.831.511
Khác	33.218.574.416	33.218.574.416	42.240.749.483	42.240.749.483
	146.095.934.134	146.095.934.134	105.469.704.645	105.469.704.645
Trong đó: Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 28)	1.061.202.907	1.061.202.907	2.295.415.584	2.295.415.584

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ bù trừ trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	4.373.810.240	4.373.810.240
Thuế khác	-	1.548.355.300	2.424.378.023	876.022.723
	-	1.548.355.300	6.798.188.263	5.249.832.963
b. Các khoản phải trả				
Thuế phải nộp nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	22.134.037.290	210.030.625.821	231.240.384.588	924.278.523
Thuế thu nhập doanh nghiệp	66.443.860.423	266.142.638.510	242.444.687.961	90.141.810.972
Thuế thu nhập cá nhân	2.734.171.425	14.142.463.232	15.867.398.682	1.009.235.975
Thuế tài nguyên	52.613.780.761	295.335.878.772	326.490.592.810	21.459.066.723
Các khoản phải nộp khác				
Phí dịch vụ môi trường rừng	22.892.049.792	111.085.665.408	105.860.260.116	28.117.455.084
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	31.961.334.000	31.961.334.000	-
	166.817.899.691	928.698.605.743	953.864.658.157	141.651.847.277

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi vay dự trả	13.281.341.092	13.884.701.955
	13.281.341.092	13.884.701.955

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (i)	844.800.000.000	-
Khác	740.888.494	868.056.425
	845.540.888.494	868.056.425
Trong đó: Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 29)	844.208.640.000	-

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 19, cổ tức phải trả phản ánh cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2023 với tỷ lệ 20% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 844.800.000.000 VND. Ngày thanh toán chia làm 02 lần: 10% vào ngày 31 tháng 01 năm 2024 và 10% vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

17. VAY

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem phần vay dài hạn)	212.684.533.006	212.684.533.006	139.108.390.124	(221.295.679.292)	(107.399.387)	130.389.844.451	130.389.844.451
	212.684.533.006	212.684.533.006	139.108.390.124	(221.295.679.292)	(107.399.387)	130.389.844.451	130.389.844.451

b. Vay dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm			Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	VND Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực (i)	914.025.856.392	914.025.856.392	-	(52.951.849.244)	(39.331.462.406)	821.742.544.742	821.742.544.742
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	629.088.692.082	629.088.692.082	-	(136.343.830.048)	15.184.201.930	507.929.063.964	507.929.063.964
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Ninh Thuận (iii)	240.124.100.164	240.124.100.164	-	(32.000.000.000)	-	208.124.100.164	208.124.100.164
	1.783.238.648.638	1.783.238.648.638	-	(221.295.679.292)	(24.147.260.476)	1.537.795.708.870	1.537.795.708.870
Trong đó:							
<i>Số phải trả trong vòng 12 tháng</i>	212.684.533.006					130.389.844.451	
<i>Số phải trả sau 12 tháng</i>	1.570.554.115.632					1.407.405.864.419	

(i) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVLTCĐL-ĐHĐ/ĐNMR với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ngày 8 tháng 7 năm 2015, khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn, 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, nợ gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và tài sản của Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu với công suất lắp máy 160MW và Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim với công suất lắp máy 80MW có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.029.663.168.532 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.141.056.197.998 VND) (Thuyết minh số 10) và Bảo lãnh trả nợ vay của Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty mẹ của Công ty.

(ii) Theo Hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26 tháng 9 năm 2019, khoản vay được sử dụng để tài trợ cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi. Phần dư nợ 9.562.000 USD, tương đương 233.372.812.500 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.473.216 USD, tương đương 248.058.114.802 VND) chịu lãi suất bằng chi phí hoán đổi lãi suất cố định + biên độ 3,65%/năm. Phần dư nợ 11.250.000 USD, tương đương 274.556.251.464 VND (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 12.321.429 USD, tương đương 291.833.036.391 VND) chịu lãi suất cố định là 2,5%/năm. Thời hạn vay là 15 năm trong đó thời gian ân hạn được tính từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 23 tháng 12 năm 2019) đến kỳ trả nợ đầu tiên (ngày 15 tháng 9 năm 2020). Nợ gốc và lãi vay sẽ được trả mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 3 và ngày 15 tháng 9 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bảo Lộc như trình bày tại Thuyết minh số 04 và Thuyết minh số 05; các tài sản cố định là tấm pin mặt trời, máy biến tần và trạm biến áp của dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 664.456.968.547 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 759.987.547.699 VND) (Thuyết minh số 10).

Theo yêu cầu của hợp đồng cho vay này, Công ty đã đảm bảo các yêu cầu về chỉ tiêu tài chính trên cơ sở các số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu tài chính	Năm nay	Yêu cầu
Chỉ số nợ trên lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao	0,90:1	Nhỏ hơn hoặc bằng 4,4:1
Chỉ số giá trị ròng tài sản hữu hình hợp nhất	167.071.928 USD	Lớn hơn hoặc bằng 150.000.000 USD
Chỉ số khả năng trả nợ	2,12:1	Lớn hơn hoặc bằng 1,2:1

(iii) Theo Hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011 được ký giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận và Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha – Công ty con của Công ty, khoản vay này được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Thời hạn vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối năm của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 378.237.398.310 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 399.877.672.038 VND) như trình bày tại Thuyết minh số 10.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	130.389.844.451	212.684.533.006
Trong năm thứ hai	149.445.769.911	153.468.373.166
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	461.640.562.528	460.071.566.328
Sau năm năm	796.319.531.980	957.014.176.138
	1.537.795.708.870	1.783.238.648.638
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(130.389.844.451)	(212.684.533.006)
Số phải trả sau 12 tháng	1.407.405.864.419	1.570.554.115.632

18. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Quỹ này dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên và và thưởng Ban quản lý điều hành theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.797.059.337	9.428.314.720
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh số 19)	53.177.210.000	35.243.893.000
Sử dụng quỹ trong năm	(48.804.069.037)	(28.875.148.383)
Số dư cuối năm	20.170.200.300	15.797.059.337



19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	4.224.000.000.000	455.867.017.367	63.753.609.355	1.708.493.510.086	54.670.877.242	6.506.785.014.050
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.496.872.518.578	7.664.401.627	1.504.536.920.205
Cổ tức được chia	-	-	-	(1.478.400.000.000)	(4.800.000.000)	(1.483.200.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(34.946.038.000)	(297.855.000)	(35.243.893.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.223.810.000	(7.223.810.000)	-	-	-
Số dư đầu năm nay	4.224.000.000.000	463.090.827.367	56.529.799.355	1.692.019.990.664	57.237.423.869	6.492.878.041.255
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.123.173.498.184	6.024.787.790	1.129.198.285.974
Cổ tức được chia (i.1; i.2 & i.3))	-	-	-	(2.280.960.000.000)	(4.800.000.000)	(2.285.760.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(52.748.418.800)	(428.791.200)	(53.177.210.000)
Hoàn nhập quỹ Đầu tư phát triển	-	-	(19.000.000.000)	19.000.000.000	-	-
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	12.354.010.434	(12.354.010.434)	-	-	-
Số dư cuối năm nay	4.224.000.000.000	475.444.837.801	25.175.788.921	500.485.070.048	58.033.420.459	5.283.139.117.229

(i.1) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 theo tỷ lệ 34% vốn điều lệ. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 55/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 chia thành 04 lần và ngày chốt danh sách cổ đông tương ứng là ngày 07 tháng 02 năm 2023, ngày 14 tháng 02 năm 2023, ngày 23 tháng 5 năm 2023 và ngày 18 tháng 7 năm 2023. Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức cho Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty với tổng số tiền là 1.435.150.540.000 VND, cụ thể như sau:

- Lần 1: thanh toán cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 04/NQ-TĐĐHĐ ngày 12 tháng 01 năm 2023 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 422.103.100.000 VND;
- Lần 2: thanh toán cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 14/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 02 năm 2023 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 422.103.100.000 VND;
- Lần 3: thanh toán cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 63/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 5 năm 2023 với tỷ lệ 7% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 295.472.170.000 VND; và
- Lần 4: thanh toán cổ tức theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 68/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2023 với tỷ lệ 7% vốn điều lệ tương ứng với số tiền là 295.472.170.000 VND.

(i.2) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 128/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2023, Hội đồng quản trị thống nhất phương án phê duyệt kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 1 với tỷ lệ 20% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 844.800.000.000 VND. Ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 08 tháng 12 năm 2023. Ngày thanh toán chia làm 02 lần: 10% tương ứng 422.400.000.000 VND vào ngày 31 tháng 01 năm 2024 và 10% còn lại tương ứng 422.400.000.000 VND vào ngày 29 tháng 3 năm 2024. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty đã thanh toán cổ tức tạm ứng đợt 01 năm 2023 với số tiền 844.720.145.000 VND cho các cổ đông.

(i.3) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-HSP-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha - Công ty con của Công ty thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022. Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 01/TB-HSC-HĐQT ngày 03 tháng 01 năm 2023 và số 04/TB-HSC-HĐQT ngày 31 tháng 5 năm 2023, Hội đồng Quản trị thông qua tạm ứng cổ tức năm 2022 đợt 1 với tỷ lệ 7% vốn điều lệ tương ứng 11.200.000.000 VND và chi trả cổ tức năm 2022 đợt 2 với tỷ lệ 3% vốn điều lệ tương ứng 4.800.000.000 VND với ngày chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức lần lượt là ngày 04 tháng 01 năm 2023 và ngày 01 tháng 6 năm 2023. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty con đã thực hiện thanh toán cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 16.000.000.000 VND.

(ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022, và theo Nghị quyết số 55/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 5 năm 2023, Công ty mẹ đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 51.747.906.000 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2022.

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 01/NQ-HSP-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha – Công ty con của Công ty đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 1.429.304.000 VND.

(iii) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 130/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 11 năm 2023, Hội đồng Quản trị đồng ý hoàn nhập Quỹ Đầu tư phát triển không thực hiện tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền là 19.000.000.000 VND.

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	422.400.000	422.400.000
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	422.400.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 4.224.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phát điện 1	4.221.031.000.000	99,93	4.221.031.000.000	99,93
Các cổ đông khác	2.969.000.000	0,07	2.969.000.000	0,07
	4.224.000.000.000	100	4.224.000.000.000	100

20. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty và công ty con là sản xuất và bán điện tại Việt Nam. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các kỳ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho các năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán điện	2.369.805.790.864	2.739.702.119.758
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.151.650.232	12.951.399.400
	2.372.957.441.096	2.752.653.519.158
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	2.369.805.790.864	2.739.702.119.758

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hoạt động sản xuất điện	1.001.758.715.489	983.780.270.356
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.705.124.863	12.094.305.257
	1.004.463.840.352	995.874.575.613

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.227.298.591	27.380.058.245
Chi phí nhân công (i)	137.169.394.964	143.960.830.813
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	3.111.708.358	2.059.535.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	377.150.438.511	376.527.623.840
Thuế, phí và lệ phí	440.011.903.752	434.985.412.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.774.786.170	62.996.836.184
Chi phí khác bằng tiền	42.049.791.443	38.161.933.144
	1.093.495.321.789	1.086.072.229.692

(i) Chi phí nhân công năm 2023 bao gồm 122.454.621.122 VND là chi phí tiền lương thực hiện năm 2023 của hoạt động sản xuất kinh doanh điện đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 3 năm 2024, trên cơ sở thực hiện theo Văn bản số 479/EVNGENCO1-TH ngày 13 tháng 3 năm 2024 của Tổng công ty Phát điện 1 - Công ty mẹ của Công ty về việc thông qua quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2023 của Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	91.203.863.224	106.044.091.587
Cổ tức, lợi nhuận được chia	31.638.551.838	12.226.741.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	27.185.113.865	70.297.248.624
	150.027.528.927	188.568.081.711
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 29)	31.638.394.985	12.226.741.500

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	58.729.852.906	64.139.997.242
Khác	1.744.123.180	610.912.118
	60.473.976.086	64.750.909.360

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	50.094.685.058	48.954.789.548
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.551.744.303	1.810.745.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.454.792.308	16.166.016.883
Khác	28.055.739.963	23.266.101.972
	89.156.961.632	90.197.654.079

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	260.077.513.434	319.587.810.897
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	3.414.711.008
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	260.077.513.434	323.002.521.905

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính).

Công ty được hưởng ưu đãi thuế cho hoạt động kinh doanh sản xuất điện năng tại ba dự án. Cụ thể:

- Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.
- Dự án Điện mặt trời Đa Mi: hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động, miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.
Đây là năm thứ năm Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng của dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và Dự án Điện mặt trời Đa Mi và là năm đầu tiên được giảm 50% số thuế phải nộp từ hai dự án này.
- Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha: miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018 đối với tổ máy 2, từ năm 2019 đến năm 2022 đối với dự án mở rộng tổ máy 1 và 2) và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027 với tổ máy 2 và từ năm 2023 đến năm 2031 đối với dự án mở rộng tổ máy 1 và 2).

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	1.123.173.498.184	1.496.872.518.578
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	-	(51.747.906.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.123.173.498.184	1.445.124.612.578
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	422.400.000	422.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ Cổ phiếu)	2.659	3.421

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính 2023 do Đại hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ thay đổi.

(*) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 20, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số ĐHĐCĐ52/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 đã thông qua phương án trích lập trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 51.747.906.000 VND từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (VND)	1.496.872.518.578	1.496.872.518.578
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(51.747.906.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.496.872.518.578	1.445.124.612.578
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	422.400.000	422.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	3.544	3.421

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty mẹ tối cao
Tổng Công ty Phát điện 1	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đại Ninh	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Thủy điện Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Công ty liên kết



Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.283.967.798.273	2.648.729.390.994
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	85.837.992.591	90.972.728.764
Công ty Thủy điện Đại Ninh	188.289.000	170.780.400
Công ty Thủy điện Đồng Nai	44.910.000	80.838.000
	2.370.038.989.864	2.739.953.738.158
Mua hàng và dịch vụ		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	5.436.994.559	3.689.527.417
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	4.170.711.980	3.345.269.107
	9.607.706.539	7.034.796.524
Lãi cho vay		
Tổng Công ty Phát điện 1	71.154.024.775	60.017.182.223
	71.154.024.775	60.017.182.223
Cổ tức được chia		
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	24.668.794.985	9.026.741.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	6.969.600.000	3.200.000.000
	31.638.394.985	12.226.741.500
Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	19.265.645.430	9.026.741.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	6.969.600.000	3.200.000.000
	26.235.245.430	12.226.741.500
Chia cổ tức		
Tổng Công ty Phát điện 1	2.279.356.740.000	1.477.360.850.000
	2.279.356.740.000	1.477.360.850.000
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phát điện 1	844.206.200.000	1.477.360.850.000
	844.206.200.000	1.477.360.850.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.167.567.968.808	524.784.121.092
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.863.611.087	10.722.753.694
	1.177.431.579.895	535.506.874.786
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Tổng Công ty Phát điện 1 (i)	200.000.000.000	-
	200.000.000.000	-
Phải thu về cho vay dài hạn		
Tổng Công ty Phát điện 1 (i)	599.932.824.894	799.932.824.894
	599.932.824.894	799.932.824.894
Phải thu khác ngắn hạn		
Tổng Công ty Phát điện 1	37.220.433.103	30.090.806.429
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	5.403.149.555	-
	42.623.582.658	30.090.806.429
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.061.202.907	2.295.415.584
	1.061.202.907	2.295.415.584
Phải trả khác ngắn hạn		
Tổng Công ty Phát điện 1	844.206.200.000	-
	844.206.200.000	-

- (i) Công ty đang làm việc với Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty mẹ của Công ty về các hợp đồng huy động vốn số 01/2014/EVNGENCO1-DHD ngày 30 tháng 10 năm 2014, số 01/2015/EVNGENCO1-DHD ngày 11 tháng 02 năm 2015 và số 02/2015/EVNGENCO1-DHD ngày 20 tháng 4 năm 2015 với số tiền lần lượt là 200.000.000.000 VND, 150.000.000.000 VND và 449.932.824.894 VND.

Tiền lương Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị, thù lao Ban kiểm soát và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

		<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
		VND	VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Lê Văn Quang	Chủ tịch	1.149.029.000	1.164.679.153
Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2022)	-	186.117.158
Ban Tổng Giám đốc			
Ông Đặng Văn Cường	Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	1.105.560.000	533.725.358
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc Thành viên Hội đồng Quản trị	983.904.500	952.633.898
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc	983.904.500	952.633.898
Ông Đỗ Minh Lộc	Quyền Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2022 miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2022)	-	
Ban kiểm soát			
Bà Đinh Hải Ninh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	187.647.000	-
Ông Nguyễn Đăng Dung	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2023)	79.269.702	181.228.382
Thành viên khác trong Ban Kiểm soát	Thành viên Ban Kiểm soát	999.702.298	1.042.063.198
Người quản lý khác			
Phạm Thị Hồng Hà	Kế toán trưởng	901.343.000	872.772.972
		6.390.360.000	5.885.854.017

Thu nhập khác ngoài lương của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tiền thưởng và phúc lợi khác	685.506.000	573.410.014

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 85.500.080.000 VND (2022: 3.477.117.112 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

31. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 1858/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 12 năm 2023 thông qua điều chỉnh mức cổ tức kế hoạch năm 2023 từ 20% lên 24% và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 142/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2023, Hội đồng quản trị thống nhất phương án phê duyệt kế hoạch tạm ứng cổ tức năm 2023 đợt 2 với tỷ lệ 4% vốn điều lệ tương ứng với số tiền 168.960.000.000 VND. Ngày chốt danh sách cổ đông là ngày 09 tháng 01 năm 2024. Thời gian trả cổ tức dự kiến là ngày 26 tháng 4 năm 2024.



Lê Xuân Phong
Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Đinh Văn Cường
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2024